

Tài liệu lịch sử và bằng chứng chủ quyền về biên giới Việt -Trung

Trần Việt Bắc

(Tiếp theo)

B- Những vùng bị Trung Hoa lấn chiếm sau công ước Pháp- Thanh.

B.1-Những cách xâm chiếm đất của Trung Hoa (theo Bị Vong Lục)

Kể từ sau việc phân định đường biên giới giữa Pháp và Trung Hoa, với hơn 300 cột mốc đã được thiết lập, cùng với đường biên giới thiên nhiên, vùng biên giới Việt-Hoa tương đối ổn định. Tuy nhiên qua thời gian, bắt đầu từ năm 1954, đường biên giới này đã bị vi phạm nhiều lần từ phía Trung Hoa. Những việc lấn chiếm này được nêu ra trong sách *“Vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa”* [*“Bị vong lục (BVL) của bộ Ngoại Giao Nhà nước Cộng Sản Việt Nam về việc Trung Hoa khiêu khích, xâm lấn lãnh thổ VN ở vùng biên giới”*]. (Ghi chú: Những chữ in nghiêng trong phần sau được trích dẫn từ sách này). Đây là tài liệu của *Nhà nước CSVN*. Tài liệu này đã nêu lên những thủ đoạn lấn chiếm đất đai Việt Nam của Cộng Sản Trung Hoa, từ chính sách “tầm ăn dâu” đến những cách thức thô bạo như sau:

1. *“Từ xâm canh, xâm cư đến xâm chiếm đất.”*

“Lợi dụng đặc điểm là núi sông hai nước ở nhiều nơi liền một dải, nhân dân hai bên biên giới vốn có quan hệ họ hàng, dân tộc, phía Trung Hoa đã đưa dân của họ vào những vùng lãnh thổ Việt Nam để làm ruộng, làm nương, rồi định cư những người dân đó ở luôn chỗ có ruộng, nương, cuối cùng nhà cầm quyền Trung Hoa ngang ngược coi những khu vực đó là lãnh thổ Trung Hoa.” (BVL, trang 8-9).

Những khu vực bị lấn chiếm theo cách thức này:

- Khu vực làng Trình Tường, tỉnh Quảng Ninh (*“dài 6 km, sâu hơn 1,3 km”*), 1956.
- Xã Thanh Lòa, huyện Cao Lộc (cột mốc 25, 26, 27) ở Lạng Sơn.
- Khảm Khau (cột mốc 17-19) ở Cao Bằng.
- Tà Lùng, Làn Phù Phìn, Minh Tân (cột mốc 14) ở Hà Tuyên.
- Xã Nậm Chay (cột mốc 2-3) ở Hoàng Liên Sơn (*“dài hơn 4 km, sâu hơn 1 km, diện tích hơn 300 hecta (3 km²)”*).

Với cách thức tương tự, tổng số lên đến trên 40 chỗ bị lấn chiếm trên biên giới.

2. *“Lợi dụng việc xây dựng các công trình hữu nghị để đẩy lùi biên giới sâu vào lãnh thổ Việt Nam”.*

- **Tại vùng Nam Quan**, năm 1955, khi Trung Hoa giúp nối đường xe lửa Việt Nam - Trung Hoa, đã đặt điểm nối đường sắt vào sâu trong lãnh thổ Việt Nam 300m và coi như chỗ nối là đường biên giới giữa hai nước, với lập luận là không thể có đường xe lửa của nước này trong lãnh thổ nước khác. Trung Hoa

cũng đã phá cột mốc 18 (cách cổng Nam Quan 100m), đặt cột cây số 0 lùì sâu vào lãnh thổ Việt Nam 100m. Qua những hành động này, Trung Hoa đã lấn vào lãnh thổ Việt Nam một vùng đất dài 3.1km, rộng 0.5km.

- **Tại vùng Hoàng Mô** tỉnh Quảng Ninh, năm 1968, Trung Hoa lợi dụng việc xây cầu đã chuyển dòng chảy về phía Việt Nam để lấn đường biên giới về phía Việt Nam. “*Thủ đoạn như vậy cũng được thực hiện đối với cầu Pò Hèn (Quảng Ninh), đập Ái Cảnh (Cao Bằng), cầu Ba Nậm Cúm (Lai Châu)...*” (BVL, trang 11).

3. “**Đơn phương xây dựng các công trình ở biên giới lấn sang đất Việt Nam**”.

- **Tại vùng thác Bản Giốc**, huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng, “*Ngày 20 tháng 2 năm 1970 phía Trung Hoa đã huy động trên 2.000 người kể cả lực lượng vũ trang lập thành hàng rào bố phòng dày đặc bao quanh toàn bộ khu vực thác Bản Giốc thuộc lãnh thổ Việt Nam, cho công nhân cấp tốc xây dựng một đập kiên cố bằng bê tông cốt sắt ngang qua nhánh sông biên giới, làm việc đã rồi, xâm phạm lãnh thổ Việt Nam trên sông và ở cồn Pò Thoong, và ngang nhiên nhận cồn này là của Trung Hoa*” (BVL, trang 11-12). Thác Bản Giốc là một thắng cảnh đẹp của Việt Nam và có lợi ích về kinh tế, nhưng phần đẹp nhất của thác đã bị Trung Hoa xâm chiếm (khoảng 0.4km²).

- **Tại vùng Sóc Giang**, “*Các thị trấn Ái Điểm (đối diện với Chi Ma, Lạng Sơn), Bình Mãng (đối diện Sóc Giang, Cao Bằng) vốn đã nằm sát các mốc giới 43 và 114, lại ngày càng được phía Trung Hoa mở rộng ra lấn sang đất Việt Nam từ hàng chục đến hàng trăm mét với công trình, nhà cửa, trường học, khu phố...*”.

- “**Bằng cách tổ chức lâm trường, trồng cây gây rừng, làm đường chắn lửa, đặt hệ thống điện cao thế, điện thoại** lấn vào lãnh thổ Việt Nam, Trung Hoa đã biến nhiều vùng đất khác của Việt Nam thành đất của Trung Hoa.”

4. “**Từ mượn đất của Việt Nam đến biến thành lãnh thổ của Trung Hoa**”.

- **Khu vực Phia Un** (mốc 94-95), huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, “*Tại đây, mới đầu phía Trung Hoa mượn con đường mòn, rồi tự ý mở rộng mặt đường để ô-tô đi lại được vào khu vực mỏ của Trung Hoa, đặt đường dây điện, đưa dân đến ở ngày càng đông, lập làng bản mới. Dựa vào “thực tế” đó, từ 1956 họ không thừa nhận đường biên giới lịch sử chạy trên đỉnh núi Phia Un mà đòi biên giới chạy xa về phía nam con đường, sâu vào đất Việt Nam trên 500 mét (khoảng 1km²)*”.

5. “**Xê dịch và xuyên tạc pháp lý các mốc quốc giới để sửa đổi đường biên giới**”.

- “**Xê dịch mốc giới ở khu vực ải Chí Mã, Lạng Sơn; khu vực mốc giới 136 ở Cao Bằng**”.

- “**Xuyên tạc đường biên giới đã rõ ràng chạy giữa hai mốc như khu vực Kùm Mu-Kim Ngân-Mẫu Sơn (mốc 41, 42, 43) ở Lạng Sơn dài trên 9 km, sâu vào đất Việt Nam 2,5 km, diện tích gần 1000 ha (10km²),**

khu vực Nà Pảng-Kéo Trình (mốc 29, 30, 31) ở Cao Bằng, dài 6,45 km sâu vào đất Việt Nam 1,3 km, diện tích gần 200 ha (2km²).”

6. “Làm đường biên giới lấn sang đất Việt Nam.”

“Từ năm 1974 lại đây, họ (Trung Hoa) đã mở ồ ạt những chiến dịch làm đường, có nơi huy động một lúc 8.000 người vào công việc này. Trong khi làm các đường đó, họ phá di tích về đường biên giới lịch sử, nhiều nơi họ đã lấn vào lãnh thổ Việt Nam. Chỉ tính từ tháng 10 năm 1976 đến năm 1977, bằng việc làm đường biên giới, họ đã lấn vào đất Việt Nam hàng chục điểm, có điểm diện tích rộng trên 32 ha (0.32km²), sâu vào đất Việt Nam trên 1 km như khu vực giữa mốc 63-65 thuộc huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng hay khu vực giữa mốc 1-2 Cao Ma Pờ thuộc tỉnh Hà Tuyên dài 4 km, sâu vào đất Việt Nam 2 km (diện tích khoảng 3km²).”

7. “Lợi dụng việc vẽ bản đồ giúp Việt Nam để chuyển dịch đường biên giới.”

“Năm 1955-1956, Việt Nam đã nhờ Trung Hoa in lại bản đồ nước Việt Nam tỷ lệ 1/100.000. Lợi dụng lòng tin của Việt Nam, họ đã sửa ký hiệu một số đoạn đường biên giới dịch về phía Việt Nam, biến vùng đất của Việt Nam thành đất Trung Hoa. Thí dụ: họ đã sửa ký hiệu ở khu vực thác Bản Giốc (mốc 53) thuộc tỉnh Cao Bằng, nơi họ định chiếm một phần thác Bản Giốc của Việt Nam và cồn Pồ Thoong.”

8. “Dùng lực lượng vũ trang uy hiếp và đóng chốt để chiếm đất.”

- “Tại khu vực Trà Mản-Suối Lũng (mốc 136-137) thuộc huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, năm 1953 Trung Hoa đã cho một số hộ dân Trung Hoa sang xâm cư ở cùng với dân của Việt Nam; ... Từ năm 1957 trở đi, họ tiến hành việc dựng trường học, bắc dây truyền thanh, đào hố khai thác than chì rồi ngang nhiên cấm cò biểu thị chủ quyền lãnh thổ của Trung Hoa. Tháng 6 năm 1976 họ đã trắng trợn đưa lực lượng vũ trang đến đóng chốt để đàn áp,...chiếm hãn một vùng đất Việt Nam trên 3,2 km, có mỏ than chì.”.

- Năm 1967- 1968, “ở khu vực giữa mốc 2-3 thuộc xã Nậm Chảy, huyện Mường Khương, tỉnh Hoàng Liên Sơn cũng xảy ra tình hình như vậy...”.

“Từ năm 1973 về trước, phía Trung Hoa đã lấn chiếm, gây khiêu khích ở nhiều nơi trên biên giới Việt-Hoa. Từ khi họ đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa, các sự kiện biên giới do họ gây ra, các vụ lấn chiếm đất đai Việt Nam ngày càng tăng:

Năm 1974: 179 vụ.

Năm 1975: 294 vụ.

Năm 1976: 812 vụ.

Năm 1977: 873 vụ.

Năm 1978: 2175 vụ.”¹

¹ “Vấn đề biên giới giữa Việt Nam và China”, trang 18.

B.2- Chiến tranh biên giới Việt-Hoa 1979 - 1986

Từ năm 1968, Liên Xô và Trung Hoa Cộng Sản đã có những mâu thuẫn trầm trọng, nhà nước CS Việt Nam dù được viện trợ cả từ hai phía nhưng lại ngả theo Liên Xô, nên quan hệ giữa hai đảng CS Việt Nam và Trung Hoa đã có những rạn nứt. Năm 1972, Hoa Kỳ đã có thỏa thuận về kinh tế và chính trị với Trung Hoa qua chuyến thăm của tổng thống Nixon, Trung Hoa giảm viện trợ và sau đó là cắt hẳn, nhà nước CS Việt Nam cho rằng đây là sự phản bội, đồng thời xua đuổi Hoa kiều ra khỏi Việt Nam. Trong lúc quan hệ chính trị giữa hai đảng CS đang căng thẳng, quân Khmer Đỏ của Cambodia do sự bảo trợ của Trung Hoa CS đã xâm lấn biên giới ở miền Nam Việt Nam và tàn sát người Việt. Việt Nam mang quân sang tấn công và lật đổ chính quyền Khmer Đỏ. Đảng CS Trung Hoa tức giận, Đặng Tiểu Bình tuyên bố sẽ "*dạy cho Việt Nam một bài học*" vì dám thách thức và chống lại Trung Hoa. Chiến tranh trên biên giới Việt-Hoa xảy ra, cuộc chiến này chia làm hai giai đoạn:

B.2.a- Chiến tranh biên giới Việt-Hoa lần thứ nhất: 1979 - 1981

- Trung Hoa tấn công

Ngày 17 tháng 2 năm 1979, Trung Hoa đã đưa 9 quân đoàn với khoảng 300 ngàn quân, cùng thiết giáp và pháo binh tấn công toàn bộ trên vùng biên giới Việt Nam, tại các tỉnh Quảng Yên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang và Lai Châu.

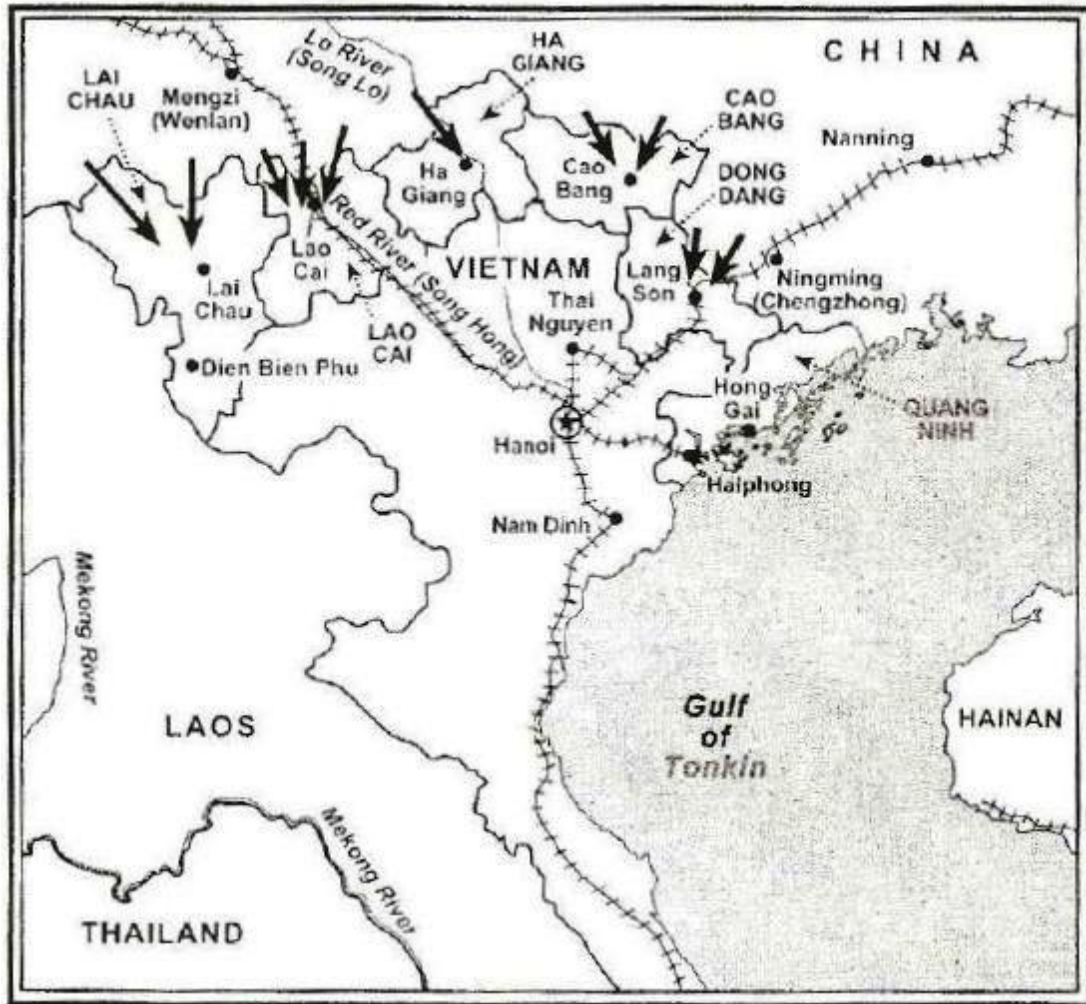
Lúc đầu quân Trung Hoa CS tiến nhanh vào lãnh thổ Việt Nam, chiếm được một số thị trấn, nhưng từ hôm sau là ngày 18, Việt Nam đã chống lại một cách kịch liệt. Hai bên đều có số thương vong nặng nề trong những ngày đầu của cuộc chiến. Sau hơn một tháng từ ngày đưa quân vào Việt Nam, quân Trung Hoa đã chiếm được tỉnh lỵ Lào Cai, Cao Bằng và một số thị trấn khác.

- Trung Hoa rút quân

Ngày 6 tháng 3 năm 1979, trong lúc cuộc chiến tại tỉnh lỵ Lạng Sơn đang xảy ra thì phía Trung Hoa tuyên bố rút quân, tuy nhiên chiến sự vẫn còn tiếp diễn ở nhiều nơi trên vùng biên giới. Ngày 16 tháng 3 năm 1979, Trung Hoa tuyên bố đã rút hết quân ra khỏi Việt Nam.

Dù tuyên bố đã rút hết quân, nhưng Trung Hoa vẫn còn chiếm đóng tổng cộng khoảng 60 km² (hay nhiều hơn nữa?) trên lãnh thổ Việt Nam, dọc theo đường biên giới Việt-Hoa. Phó Thủ Tướng của Trung Hoa (1979) Lý Tiên Niệm (Li Xiannian 李先念) đã xác nhận vùng đất chiếm đóng này như sau: "*Phó Thủ tướng Trung Hoa Lý Tiên Niệm tiết lộ trong một cuộc phỏng vấn gần đây dành cho một tờ báo Nhật, những khu vực liên quan đến sự tranh chấp dọc theo biên giới Việt-Hoa chỉ có 60km², nằm rải rác trên khắp biên giới.*"

Map 20 Chinese Invasion of Vietnam, 1979



Nguồn: Henry J. Kenny, Việt Nameese Perceptions of the 1979 War with Trung Hoa

Trích từ: <http://www.gio-o.com/NgoBac/NgoBacHenryJKenny1979.htm>

- Trung Hoa vẫn pháo kích để tạo áp lực với Việt Nam².

Dù nói là rút quân nhưng Trung Hoa vẫn tiếp tục pháo kích vào các vùng biên giới, để gây áp lực buộc Việt Nam phải rút quân ra khỏi Cambodia. Thứ trưởng Ngoại giao của Trung Hoa là Hàn Niệm Long (Han Nianlong 韩念龙) nói: “Tôi tin là không lâu để tạo áp lực Việt Nam phải rút quân ra khỏi Cambodia”, cách thức tạo áp lực bằng pháo kích với Việt Nam được thi hành từ năm 1980 tới năm 1981. Tháng 5 năm 1981, một cuộc chiến mới đã xảy ra ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang, tuy nhiên sau đó Trung Hoa đã tạm ngưng cuộc chiến.

B.2.b. Chiến tranh biên giới Việt-Hoa lần thứ nhì: 1984- 1986

² “Chinese Military Strategy in the Third Indochina War” - Edward O'dowd, trang 92-96.

a. Trận chiến ở tỉnh Lạng Sơn

Ngày 6 tháng 4 năm 1984, quân đội Trung Hoa mở cuộc tấn công cấp trung đoàn vào các vùng biên giới gần Nam Quan, trận lớn nhất ở huyện Tràng Định tỉnh Lạng Sơn. Ngày kế tiếp quân Trung Hoa đã bị đẩy lui ³.

b. Trận chiến ở huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang (còn gọi là trận Lão Sơn)⁴

Ngày 28 tháng 4 năm 1984, sau khi pháo kích dữ dội, Trung Hoa mang hơn 24 ngàn quân⁵ qua biên giới tấn công Việt Nam. Một sư đoàn tấn công vào vùng núi Đất (sư đoàn 40), mà Trung Hoa gọi là Lão Sơn (Laoshan-老山) ở biên giới phía hữu ngạn sông Lô, thuộc huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang. Một sư đoàn (sư đoàn 49) tấn công vào vùng núi Bạc, Trung Hoa gọi là Giả Âm Sơn (Zheyin Shan- 者阴山) ở tả ngạn sông Lô, thuộc xã Phú Lũng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Quân Trung Hoa chiếm được bản Nà La và một số cao điểm trên một đoạn dài khoảng 2.5 km, phía tây thị xã Thanh Thủy. Ngày 12 tháng 7, cuộc chiến đột nhiên trở nên dữ dội ở vùng núi Đất, khi Việt Nam cố chiếm lại các cao điểm, tuy nhiên vẫn không lấy lại được. Phía Trung Hoa dù đông quân hơn, nhưng vẫn không thể tiến sâu hơn vào được lãnh thổ để có thể đánh chiếm tỉnh lỵ Hà Giang. Sau đó những trận đánh lớn đã ngừng, chỉ còn những cuộc đụng độ nhỏ và hai bên pháo kích lẫn nhau. Cuộc chiến tại vùng này kéo dài đến năm 1986, sau đó thì chiến sự tạm ngừng. Kết quả là Trung Hoa chiếm đóng những cao điểm trên biên giới thuộc tỉnh Hà Giang của Việt Nam như: Núi Đất (Lão Sơn, cao điểm 1509), núi Bạc (Giả Âm sơn, cao điểm 1200), Đông sơn (cao điểm 1030) và một số cao điểm chiến lược khác như 772, 233, 685, 468.

B.2.c. Hậu quả của cuộc chiến tranh biên giới Việt-Hoa (1979-1986)

Hậu quả của cuộc chiến từ năm 1979 đến năm 1986 là hai phía đều tuyên bố thắng trận. Trung Hoa CS với số quân bị tử trận khoảng 26,000, bị thương khoảng 37,000 (số thương vong phỏng định!), tuy nhiên **Trung Hoa CS đã chiếm nhiều cứ điểm quân sự quan trọng dọc theo biên giới**. Phía Việt Nam số quân bị tử trận khoảng 20,000 người và khoảng 30,000 người bị thương (số thương vong vẫn còn là câu hỏi!), tuy nhiên số thường dân bị giết hại rất nhiều, khoảng 10,000 thường dân hay hơn nữa bị giết hại với những vụ tàn sát thường dân tập thể kể cả phụ nữ và trẻ em do quân đội Trung Hoa CS gây ra: “*Từ khi bắt đầu xâm lược Việt Nam, đi đến đâu, quân xâm lược Trung Quốc cũng bắn bừa bãi, đốt phá, cướp của, hãm hiếp phụ nữ và giết người không ghê tay bằng những cách cực kỳ dã man....*” (BVL, trang 31). Ngoài những thiệt hại về nhân mạng, tài sản của người dân ở các tỉnh vùng biên giới đã bị thiệt hại nặng nề, gây suy thoái về kinh tế trầm trọng.

³ Sách đã dẫn trong ghi chú 14, trang 98.

⁴ Sách đã dẫn trong ghi chú 14, trang 100 - 101.

⁵ Sách đã dẫn trong ghi chú 14, trang 193 (note 55).

C. Những vùng biên giới bị Trung Hoa xâm chiếm cận đại

Việc xâm chiếm lãnh thổ của Việt Nam trên vùng biên giới có hai thời kỳ, trước khi có hai đợt chiến tranh trên vùng biên giới (1979-1986) và sau đó là tới giai đoạn hai đảng Cộng Sản Việt Nam và Trung Hoa có những thỏa thuận chung.

C.1. Sự xâm chiếm của Trung Hoa vào lãnh thổ Việt Nam trước năm 1979

Những sự xâm chiếm này đã được nêu ra trong sách “*Vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa*” [“Cũng gọi là “*Bị Vong lục*” (BVL) của bộ Ngoại Giao Chính phủ Cộng Sản Việt Nam], được liệt kê lại theo đường biên giới từ phía tây qua phía đông như sau:

- 1- Cầu Pa Nậm Cúm, bản Pa Nậm Cúm, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lào Cai, lần chiếm qua việc giúp Việt Nam xây cầu.
- 2- Nậm Chay (Nậm Chảy), cột mốc 2 và 3 cũ, xã Nậm Chay, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
- 3- Tả Lùng, xã Pha Long, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
- 4- Cao Ma Pờ, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang.
- 5- Trà Mần - Suối Lũng, cột mốc 136 - 137 cũ, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.
- 6- Sóc Giang, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.
- 7- Phia Un, cột mốc 94 - 95 cũ, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.
- 8- Vùng cột mốc 63 - 65 cũ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
- 9- Vùng phía bắc thác Bản Giốc, bản Nè Đeng, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
- 10- Thác Bản Giốc, còn Pò Thoong, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
- 11- Nà Pảng - Kéo Trình, cột mốc 29, 30, 31, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.
- 12- Khảm Khau, cột mốc 17, 18, 19 cũ, xã Quốc Khánh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.
Ghi chú: các cột mốc 17, 18, 19 cũ này thuộc huyện Trảng Định, khác với các cột mốc 17, 18, 19 ở vùng Nam Quan.
- 13- Vùng Nam Quan, cột mốc 18 cũ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.
- 14- Thanh Loà, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.
- 15- Kùm Mu, Kim Ngân, Mẫu Sơn, cột mốc 41, 42, xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.
- 16- Chí Mã, cột mốc 43, xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.
- 17- Trình Tường, kế xã Hoàn Mỹ, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.
- 18- Cầu Hoàn Mỹ, xã Hoàn Mỹ, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.
- 19- Cầu Pò Hèn, bản Pò Hèn, xã Hải Sơn, huyện Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

C.2. Sự xâm chiếm của Trung Hoa vào lãnh thổ Việt Nam từ năm 1979-1986 (trong chiến tranh trên biên giới Việt Nam - Trung Hoa)

- 1- Núi Đất, cao điểm 1509, Trung Hoa gọi là Lão Sơn, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.
- 2- Bản Nà La, cao điểm 226, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

- 3- Bản Pha Hán, cao điểm 1200, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.
- 4- Lũng Đại, xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.
- 5- Phía đông bản Xà Ván, xã Thắng Mố, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.
- 6- Phía bắc xã Cốc Pàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.
- 7- Phía đông bắc xã Ngàm Giàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.
- 8- Phía bắc xã Cô Ba, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.
- 9- Phía tây xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.
- 10- Phía đông xã Quang Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.
- 11- Phía đông xã Việt Chu, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.
- 12- Phía đông nam xã Quốc Khánh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.
- 13- Phía đông bắc và đông nam xã Tân Minh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.
- 14- Vùng Nam Quan, phía bắc thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

D. Sự hèn kém của Nhà nước CS VN trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia

Năm 1989, thế giới chứng kiến sự sụp đổ của khối Cộng Sản Đông Âu, Liên Bang Sô Viết chao đảo và đưa tới sự tan rã năm 1991. Dù sau một thời gian dài có xung đột với Trung Hoa, nhưng vì muốn bảo vệ sự sống còn của đảng CSVN, nên đảng và nhà nước Cộng Sản Việt Nam đã tìm cách bình thường hóa sự quan hệ giữa hai đảng và nhà nước Cộng Sản, để tìm hậu thuẫn và đã rút quân ra khỏi Cambodia (1989). Kết quả đưa tới một hội nghị bí mật giữa những người lãnh đạo của đảng và nhà nước Cộng Sản hai quốc gia, cuộc họp diễn ra ở Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên ngày 3 và 4 tháng 9 năm 1990. Những thỏa thuận và nội dung của cuộc hội nghị cho đến nay vẫn được giữ bí mật. Sau đó hai nước đã có những quan hệ ngoại giao, với sự hèn kém của đảng và nhà nước CS Việt Nam trên nhiều phương diện.

D.1. Nhà nước Việt Nam CS giải quyết vấn đề Trung Hoa xâm chiếm biển đảo và đất đai của Việt Nam ra sao?

D.1.a. Công hàm của Phạm Văn Đồng năm 1958 về việc “dâng” biển đảo cho ngoại bang

Từ năm 1954, sau hiệp định Genève, quần đảo Hoàng Sa (phía nam vĩ tuyến 17) được giao cho chính quyền Quốc Gia Việt Nam, do Quốc Trưởng Bảo Đại đứng đầu. Năm 1956, Việt Nam Cộng Hòa thừa kế giữ quần đảo Hoàng Sa, tuy nhiên, hải quân Trung Hoa CS đã chiếm đóng đảo Phú Lâm (Woody island) và đảo Linh Côn (Lincoln island) thuộc quần đảo Hoàng Sa trước khi Việt Nam Cộng Hòa mang quân đội ra trấn giữ.

Năm 1958, Trung Hoa CS đã công bố tuyên ngôn lãnh hải về việc mở rộng vùng lãnh hải lên 12 hải lý với chủ quyền của Trung Hoa trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Miền Bắc dưới sự cai trị của

đảng Cộng Sản thay vì phản kháng, thì lại gởi công hàm “**ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958**” của Trung Hoa CS (đăng trên báo Nhân Dân ngày 22 tháng 9 năm 1958). Việc dâng biển, đảo của Việt Nam cho ngoại bang là **một hành động bán nước rõ ràng của đảng Cộng Sản**.

D.1.b. Phân chia Vịnh Bắc Bộ

Ngày 15 tháng 8 năm 1974, một cuộc đàm phán được tiến hành tại Bắc Kinh, nhưng không đưa đến kết quả nào, vì “*Phía Trung Hoa hoàn toàn phủ nhận Điều 2 của Công ước 1887, không coi đường kinh tuyến nói trên là đường biên giới, một mực nói rằng trong vịnh Bắc Bộ xưa nay chưa hề có đường biên giới, nay hai nước phải bàn bạc để phân chia*”⁶. Mặc dù phía Việt Nam tuyên bố sẵn sàng nghe ý kiến của phía Trung Hoa, nhưng họ chỉ nói một cách chung chung là nếu theo đường kinh tuyến đó thì họ “**được phần nhỏ quá, còn phía Việt Nam được phần lớn quá**”, cho nên phải “**phân chia công bằng, hợp lý**”, nhưng họ cũng không chịu đưa ra một phương án nào cụ thể, cố tình kéo dài cuộc đàm phán. Cuối tháng 11 năm 1974 cuộc đàm phán phải tạm ngừng”⁷.

D.1.c. Giải quyết về vấn đề biên giới

“Ngày 7 tháng 10 năm 1977, cuộc đàm phán bắt đầu tại Bắc Kinh giữa đại biểu Chính phủ Việt Nam và đại biểu Chính phủ Trung Hoa để giải quyết những vấn đề về biên giới trên bộ và trong vịnh Bắc Bộ. Phía Việt Nam, một lần nữa, khẳng định hai bên cần triệt để tôn trọng Công ước 1887 và 1895 về đường biên giới trên bộ và trên biển, vì vậy cần bàn về về toàn bộ đường biên giới. Phía Trung Hoa một mực chỉ muốn bàn vấn đề biên giới trên bộ.... phía Việt Nam đã đưa ra một bản dự thảo Hiệp định về đường biên giới quốc gia trên bộ giữa hai nước để hai bên cùng bàn bạc....

Phía Trung Hoa đã từ chối xem xét bản dự thảo Hiệp định đó. Họ đưa ra một đề nghị khác, thực chất là đề nghị cũ của họ được sửa đổi. Ý đồ của họ là nhằm duy trì hiện trạng biên giới (không phải nguyên trạng đường biên giới lịch sử) **nhằm giữ những chỗ họ lấn chiếm và sửa lại nhiều chỗ có lợi cho họ.... Cuộc đàm phán về biên giới bị thất bại**”.

Sau những đàm phán này, tình hình chính trị vốn đã căng thẳng giữa Việt Nam và Trung Hoa từ khi xảy ra cuộc chiến giữa Việt Nam và Campuchia (Khmer Đỏ cầm quyền, một chính quyền được “bảo trợ” bởi Trung Hoa CS) đến nay lại trở nên căng thẳng hơn nữa. Sự nương tựa vào ngoại bang, khi theo Trung Hoa CS, lúc theo Liên Xô trong khi đang có những bất hòa trong khối CS đã là một trong những nguyên nhân xảy ra cuộc chiến tranh biên giới Việt-Hoa, gây ra biết bao lầm than và tổn hại cho đất nước về nhân mạng cũng như tài sản.

⁶ Điều 2, Công ước Pháp-Thanh 1887: Kinh tuyến Paris 105°43’ kinh độ đông (tương đương kinh tuyến Greenwich 108°03’13’’) là đường biên giới giữa hai nước trong vịnh Bắc Bộ.

⁷ Bị Vong Lục, trang 20-27

D.2. Thừa nhận việc xâm chiếm của Trung Hoa Cộng Sản: Hiệp định biên giới 1999 và Nghị Định Thư 2010

Kể từ khi khối CS Đông Âu tan rã và Liên Xô có nguy cơ sụp đổ năm 1989, đảng CS Việt Nam thấy cô lập, vì muốn bảo vệ sự tồn tại của đảng để tránh tình trạng như Đông Âu, nên đã tìm cách làm hòa với Trung Hoa CS để tìm hậu thuẫn. Năm 1990, lãnh đạo hai đảng đã có một hội nghị bí mật ở Thành Đô để “bình thường hóa quan hệ”, với những sự hèn kém của nhà nước Việt Nam CS, mà điều này đã lộ rõ kể từ sau thời gian này, Trung Hoa CS đã can thiệp vào nội bộ Việt Nam CS từ nhân sự⁸, chính trị, kinh tế, văn hóa, đặc biệt là vấn đề lãnh thổ và lãnh hải. Sau những thương lượng khiếm nhục nhà nước Việt Nam CS đã nhượng cho Trung Hoa hơn 11,000km² trong vịnh Bắc Bộ và **hầu hết những vùng biên giới đã xâm chiếm của Việt Nam đã được Nhà nước CSVN thừa nhận là của họ.**

Về lãnh thổ, hai Nhà nước Cộng Sản đã đi đến một thỏa thuận chung như sau:

D.2.a. Hiệp Ước biên giới trên đất liền

Hiệp ước được ký bởi Nguyễn Mạnh Cầm (VNCS) và Đường Gia Triền (THCS) ngày 30 tháng 12 năm 1999 và có hiệu lực từ ngày 6 tháng 7 năm 2000 với 8 điều được tóm tắt như sau:

Điều I: Lấy các Công ước lịch sử về biên giới “**hiện nay**” (?) giữa Việt Nam và Trung Quốc làm cơ sở để xác định lại đường biên giới trên đất liền giữa hai nước.

Điều II: Xác định giới điểm giữa Việt Nam - Lào - Trung Hoa và diễn tả các giới điểm từ 1 đến 62, nơi nối với ranh giới về lãnh hải.

Điều III: Việc ký kết giới về điểm giữa Việt Nam - Lào - Trung Hoa sẽ do cả 3 nước xác định.

Điều IV: Phân định về vùng trời và lòng đất giữa Việt Nam - Trung Hoa.

Điều V: Quy định về “đường biên giới nước” như lấy sông, suối làm biên giới, quy định về các cồn, bãi mới xuất hiện.

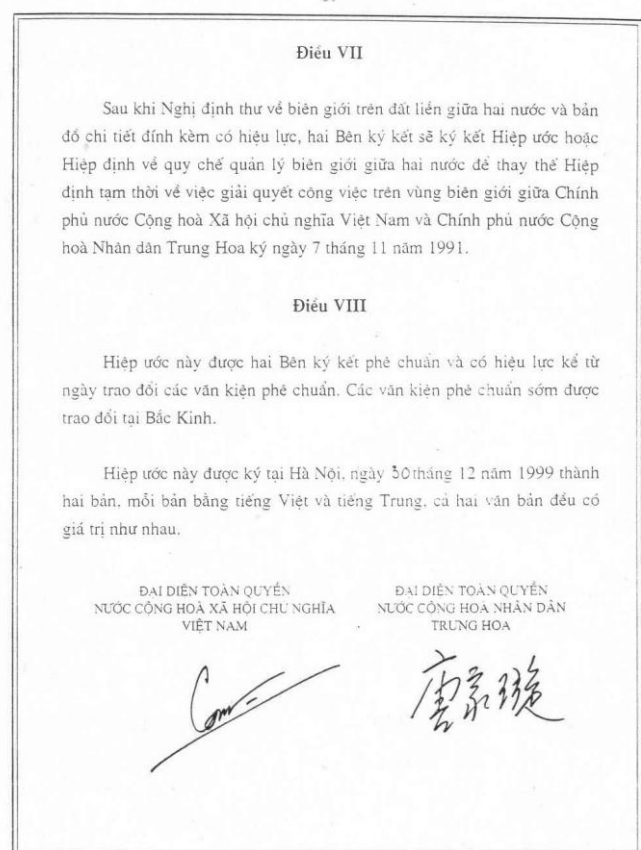
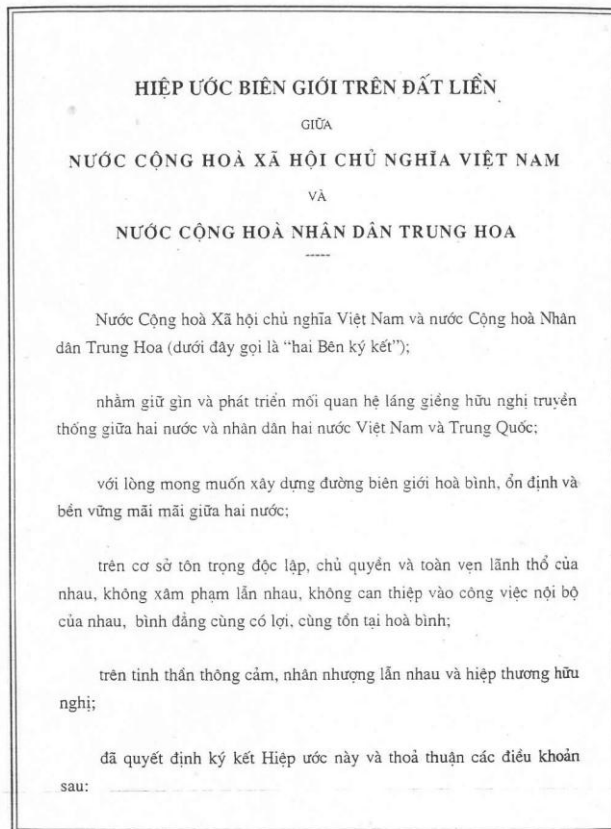
Điều VI: Ký kết về việc “*quyết định thành lập ủy ban Liên hợp phân giới và cắm mốc*” và việc soạn thảo “**Nghị định thư**” với “**bản đồ chi tiết đính kèm**” để thay thế bản đồ trong hiệp ước này và khởi sự việc cắm mốc.

Điều VII: Việc sẽ “*ký kết Hiệp ước hoặc Hiệp định về quy chế quản lý biên giới giữa hai nước*”.

Điều VIII: Hiệu lực của hiệp ước và ngày ký (30 tháng 12 năm 1999) của Nguyễn Mạnh Cầm “**ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**” và Đường Gia Triền “**ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA**”.

⁸ Ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch bị loại khỏi Bộ Chính Trị là một trường hợp điển hình.

Hậu quả sau ngày công bố hiệu lực (ngày 6 tháng 7 năm 2000) của hiệp ước này đối với lãnh thổ của Việt Nam ra sao? Dân Việt không biết rõ, cho tới khi có “**Nghị định thư**” với “**bản đồ chi tiết đính kèm**” mới có thể so sánh, tuy nhiên đã được phỏng đoán là Việt Nam mất 720km² về lãnh thổ ngay sau khi hiệp ước được công bố⁹ (2001) với những cao điểm quân sự quan trọng.



Trích dẫn trang đầu và trang cuối “*Hiệp Ước biên giới trên đất liền*”
với chữ ký của Nguyễn Mạnh Cẩm và Đường Gia Triền

D.2.b. Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền

Hiệp định này có 11 chương với 54 điều:

- 1- “*Giải thích thuật ngữ*” dùng trong hiệp định.
- 2- “*Quản lý, duy trì và bảo vệ hướng đi đường biên giới, mốc giới và đường thông tầm nhìn biên giới*” (từ điều 2 đến điều 7).

⁹ Bài viết “*Hãy Cảnh Giác với Bắc Triều*” của LS Lê Chí Quang - 07/09/01- Đàn Chim Việt.

- 3- “Kiểm tra liên hợp biên giới” (điều 8).
- 4- “Vùng nước biên giới” (từ điều 9 đến điều 13).
- 5- “Hoạt động và sản xuất tại vùng biên giới” (từ điều 14 đến điều 21).
- 6- “Qua lại biên giới và duy trì, bảo vệ trật tự vùng biên giới” (từ điều 22 đến điều 27).
- 7- “Quy chế liên hệ và hợp tác tại vùng biên giới” (từ điều 28 đến điều 30).
- 8- “Xử lý sự kiện biên giới” (từ điều 31 đến điều 37).
- 9- “Đại diện biên giới và chức năng, quyền hạn, trình tự của đại diện biên giới” (từ điều 38 đến 49).
- 10- “Cơ chế thực hiện” (điều 50).
- 11- “Các điều khoản cuối cùng” (từ điều 51 đến điều 54).

Hiệp định này được ký kết bởi Hồ Xuân Sơn (Đại diện Chính Phủ VNCS) và Vũ Đại Vĩ (Đại diện Chính Phủ Trung Hoa CS).

HIỆP ĐỊNH VỀ QUY CHẾ QUẢN LÝ BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA
Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là “hai Bên”); Tuân thủ các nguyên tắc bất khả xâm phạm về lãnh thổ và biên giới quốc gia; tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không xâm phạm lẫn nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; bình đẳng, cùng có lợi và chung sống hoà bình; cố gắng cùng nhau xây dựng biên giới trên đất liền hai nước thành biên giới mãi mãi hoà bình, đời đời hữu nghị; Để giữ gìn sự ổn định của biên giới trên đất liền và tình hình an ninh, trật tự xã hội; tạo thuận lợi cho việc sinh hoạt, sản xuất của dân cư hai bên biên giới; đồng thời thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế xã hội ở vùng biên giới hai nước; trên tinh thần tôn trọng, bình đẳng, hữu nghị, hợp tác và tin tưởng lẫn nhau, đã thoả thuận ký kết Hiệp định này.
CHƯƠNG I GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ Điều 1
Trong Hiệp định này, hai Bên sử dụng các thuật ngữ sau: 1. “Biên giới” hoặc “đường biên giới” có ý nghĩa giống nhau, chỉ đường và mặt thẳng đứng theo đường đó xác định giới hạn lãnh thổ trên đất liền (bao gồm lòng đất, vùng nước, vùng trời) của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. 2. “Văn kiện hoạch định biên giới” là “Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà nhân dân Trung

Điều 53 Sau khi có hiệu lực, Hiệp định này sẽ thay thế “Hiệp định tạm thời về việc giải quyết công việc trên vùng biên giới hai nước giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa” ký ngày 07 tháng 11 năm 1991.	
Điều 54 Hai Bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc đã hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo cuối cùng. Hiệp định này có giá trị trong thời gian 10 năm, nếu 06 tháng trước khi Hiệp định hết hạn, không Bên nào thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hiệu lực của Hiệp định cho phía Bên kia thì Hiệp định này sẽ tự động kéo dài thêm 10 năm và cứ tiếp tục như vậy. Ký tại Bắc Kinh, ngày 18 tháng 11 năm 2009, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.	
ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA
 Hồ Xuân Sơn	 Vũ Đại Vĩ

D.2.c. Nghị Định Thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền¹⁰

Nghị Định Thư có năm phần gồm 13 điều:

- Phần 1: Quy định chung (6 điều)
- Phần 2: Mô tả hướng đi của đường biên giới và vị trí mốc giới (điều 7)
- Phần 3: Kiểm tra, bảo vệ hướng đi của đường biên giới, mốc giới, đường thông tầm nhìn biên giới (3 điều)
- Phần 4: Khu vực tàu thuyền đi lại tự do (điều 11)
- Phần 5: Điều khoản cuối cùng (2 điều)

CÔNG BÁO/Số 640 + 641 ngày 16-11-2010

117

PHẦN IV KHU VỰC TÀU THUYỀN ĐI LẠI TỰ DO Điều 11 1. Tàu thuyền của hai Bên có thể tự do đi lại trên luồng hai bên bãi Tục Lâm (Zhong Jian Sha), trên các luồng xung quanh hòn Da Shi Sha Zhou, bãi Dấu Gót (Heng Shi Sha Zhou) tại khu vực cửa sông Bắc Luân, phạm vi khu vực tàu thuyền đi lại tự do xem Phụ lục 1. 2. Cư dân biên giới hai Bên không được vượt qua biên giới để tiến hành các hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trong khu vực tàu thuyền tự do đi lại. 3. Không Bên nào được xây dựng các công trình nhân tạo trong khu vực tàu thuyền tự do đi lại, trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác. 4. Hoạt động của tàu thuyền trong khu vực tự do đi lại thực hiện theo Hiệp định liên quan do hai Bên ký kết. PHẦN V ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG Điều 12 Khi Nghị định thư này có hiệu lực, đường biên giới đã phân giới và vị trí chính xác của đường biên giới này lấy Nghị định thư này và bản đồ biên giới làm chuẩn. Nghị định thư này sẽ trở thành Phụ lục của “Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”; bản đồ biên giới sẽ thay thế bản đồ đính kèm “Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”. Điều 13 Hai Bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc đã hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước để Nghị định thư này có hiệu lực. Nghị định thư này có hiệu lực kể từ ngày văn bản thông báo cuối cùng được gửi đi. <i>[Handwritten signatures]</i>
--

118

CÔNG BÁO/Số 640 + 641 ngày 16-11-2010

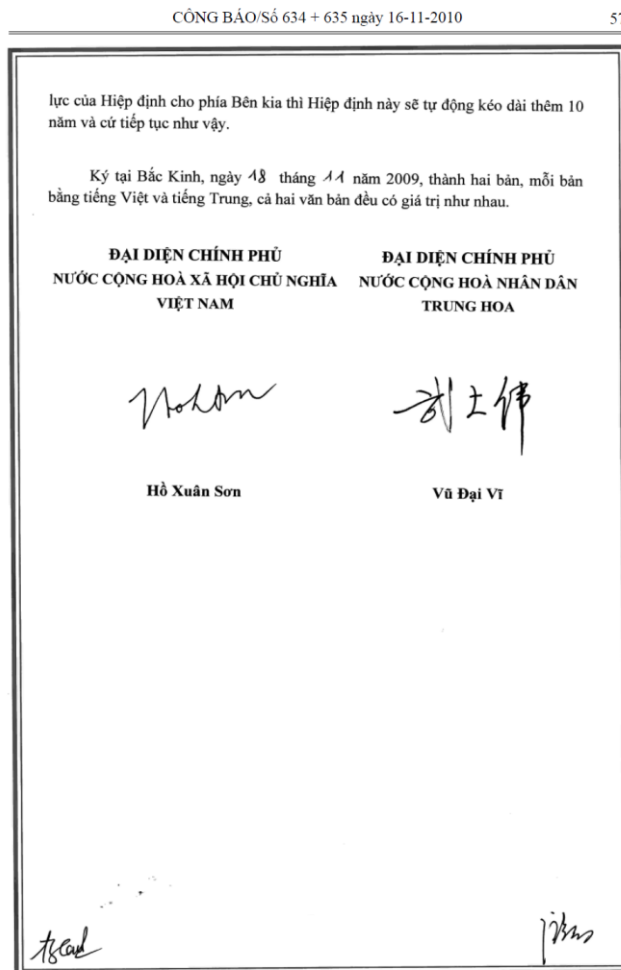
Nghị định thư này ký ngày 18 tháng 11 năm 2009, tại Bắc Kinh thành hai bản, mỗi bản được viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.	
ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>[Handwritten signature]</i> Hồ Xuân Sơn	ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA <i>[Handwritten signature]</i> Vũ Đại Việt
<i>[Handwritten signature]</i>	<i>[Handwritten signature]</i>

¹⁰ CÔNG BÁO/Số 634 + 635 CÔNG BÁO/Số 634 + 635, CÔNG BÁO/Số 636 + 637, CÔNG BÁO/Số 638 + 639 cho đến trang 116 của CÔNG BÁO/Số 640 + 641. ngày 16-11-201:

Nghị định này được ký kết bởi Hồ Xuân Sơn (Đại diện Chính Phủ VNCS) và Vũ Đại Vĩ (Đại diện Chính Phủ Trung Hoa CS).

D.2.d. Hiệp định về cổng biên giới (“cửa khẩu”) và quy chế quản lý cổng biên giới (“cửa khẩu”) trên đất liền

Hiệp Định có 12 điều về các cổng biên giới (“cửa khẩu”).



Hiệp định này được ký kết bởi Hồ Xuân Sơn (Đại diện Chính Phủ VNCS) và Vũ Đại Vĩ (Đại diện Chính Phủ Trung Hoa CS).

D.2.e. Nhà nước CS Việt Nam thực thi việc thừa nhận sự xâm chiếm của CS Trung Hoa: Việc phân định biên giới Việt-Hoa và cắm mốc từ năm 2000 đến 2010

Ngày 05 tháng 08 năm 2010, bộ Ngoại Giao của nhà nước Cộng Sản Việt Nam (CSVN) đã chính thức công bố những văn bản:

- * Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền**
- * Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền**
- * Nghị Định Thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền.**

Những hiệp định này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2010. Hai Bên đã phân giới toàn bộ đường biên giới phía bắc của Việt Nam giáp giới với Trung Hoa. Để thi hành sau khi hiệp ước đã ký, “hai Bên” đã thành lập ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc trên đất liền Việt nam - Trung Hoa, thỏa thuận chia đường biên giới thành 12 đoạn, giao cho 12 nhóm phối hợp việc cắm mốc.

Cột mốc đầu tiên được dựng xong ngày 27 tháng 12 năm 2001, tại cổng biên giới Móng Cái là mốc giới 1369 với cột mốc 1369(2), tỉnh Quảng Ninh và cột mốc 1369(1) ở Đông Hưng tỉnh Quảng Tây, khởi đầu cho việc cắm mốc trong 9 năm. Từ tháng 10 năm 2002, “hai Bên” đồng loạt cắm mốc trên toàn vùng biên giới phía bắc.

Dù với hiệp ước 1999 đã ký, tuy nhiên khi cắm mốc trên thực địa vẫn có những sự tranh chấp, nên “hai Bên” đã phải có nhiều lần đàm phán. Ngày 31 tháng 12 năm 2008, “hai Bên” đã hoàn tất việc cắm mốc trên biên giới Việt Nam - Trung Hoa.

Đường biên giới dài 1449.566 km, “biên giới trên đất” là 1065.652 km, biên giới nước (sông hay suối) là 383.914km. Các **mốc giới** được ghi số từ 1 đến 1378 với tổng số là 1971 cột mốc.

E. Những vùng biên giới bị Trung Hoa xâm chiếm qua Hiệp Định Biên Giới Việt-Hoa 1999

Ghi chú: Những chữ viết tắt trong chương này như sau:

DBG: Đường biên giới

DBG(1895): Đường biên giới theo Công Ước Pháp-Thanh 1887-1895

DBG(2010): Biên giới theo Nghị Định Thư 2010

MG: Mốc giới.

CM: Cột mốc

Đây là sự so sánh về DBG bị thay đổi từ Công Ước Pháp-Thanh năm 1887 và 1895 DBG, so với **DBG trong Hiệp Định (Nghị Định Thư) năm 1999, cũng như những CM đã dựng và hoàn tất năm 2008 theo DBG (2010)**. Bản đồ có tỷ lệ 1:50,000 cũng như bản đồ với tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh, đây là hệ thống bản đồ của Army Map Service (viết tắt là AMS), hệ thống bản đồ này dựa trên các bản đồ của Sở Địa Dư Đông Dương Pháp (Société de Géographie de l'Indochine, viết tắt là SGI), cộng thêm với các không ảnh để tham chiếu độ chính xác. Để sự so sánh có thể rõ ràng, bản đồ AMS có tỷ lệ 1:50,000 được dùng để đối chiếu, trong trường hợp không có bản đồ với tỷ lệ này, bản đồ với tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh sơ lược về những thay đổi trên DBG (1895) và (2010).

E.1. So sánh đường biên giới [DBG(1895)] và DBG(2010) với những mốc giới (MG) trên đất liền

Để biết về thực trạng của DBG, hai hệ thống bản đồ được tham khảo: bản đồ AMS sẽ được so sánh với bản đồ trong Nghị Định Thư 2010 từ phía tây qua phía đông .

E.1.a. Đường biên giới (DBG) giữa tỉnh Lai Châu (VN)¹¹ và Vân Nam (TH)

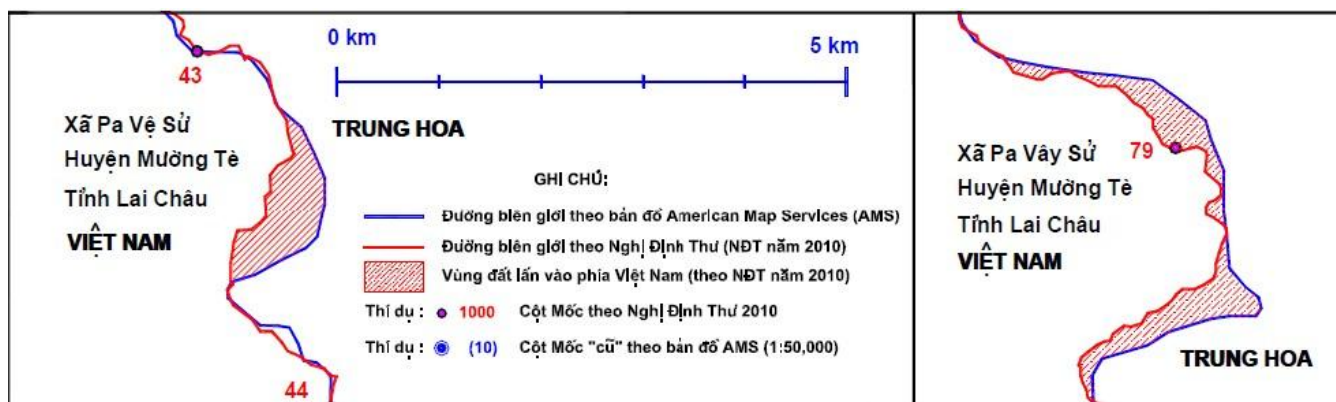
Từ MG43 đến gần MG44, DBG cũ đi vòng dưới khe núi ở khoảng cao độ 1980m, BG (2010) dời về phía tây lên đến đỉnh núi với cao độ ~ 2400m lấn vào lãnh thổ Việt Nam khoảng 0.8 km chiều ngang, chiều dài khoảng 2km.

Tại MG66 này có cầu Pa Nặm Cúm, mà Trung Hoa đã lợi dụng sự xây cầu để chuyển dòng chảy của sông về phía Việt Nam để lấn thêm đất.

Tại MG79, bản Mồ Sỉ San, xã Pa Vây Sừ, huyện Mường Tè, DBG (2010) lấn vào lãnh thổ Việt Nam, khoảng hơn 0.5km chiều ngang, với chiều dài khoảng 3km. Tại đây có đỉnh núi cao gần 3000m, có thể quan sát toàn vùng thị trấn Lai Châu cách đỉnh núi này khoảng 40 km.

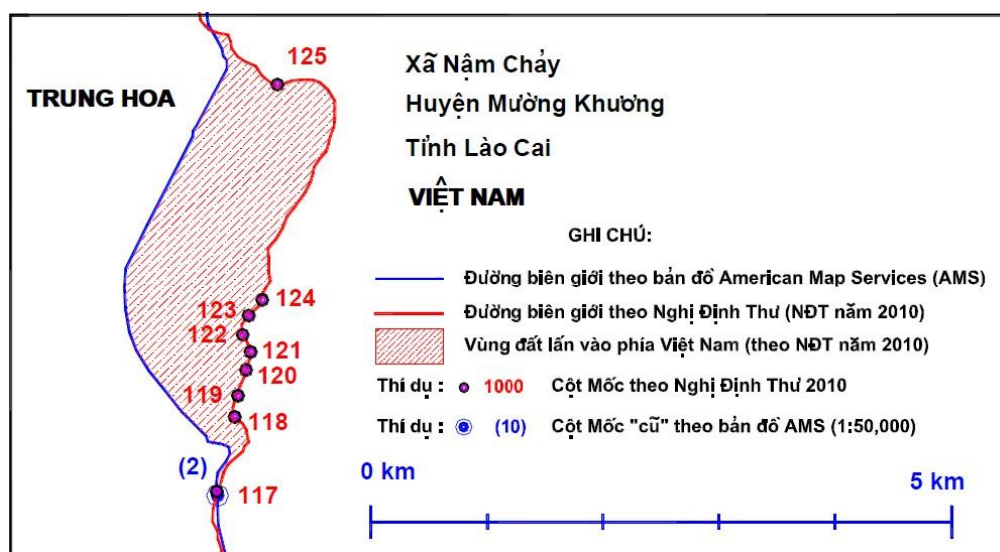
Bản đồ AMS số 5454-2, 5554-3, 5654-2 với tỷ lệ 1:50,000 và bản đồ AMS số 48-05 với tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên DBG tại vùng này.

¹¹ Tỉnh Lai Châu được chia thành hai tỉnh là Lai Châu và Điện Biên năm 2003, tuy nhiên vì đường biên giới từ công ước Pháp Thanh 1887 và 1895 so với Hiệp Định về biên giới 1999, ranh giới tỉnh Lai Châu vẫn được giữ nguyên trạng đến trước năm 2003.



E.1.b. Đường biên giới (ĐBG) giữa hai tỉnh Lào Cai (VN) và Vân Nam (TH)

Đoạn biên giới từ MG117 đến MG125, ĐBG mới lấn vào lãnh thổ Việt Nam ở xã Nậm Cháy chiều ngang khoảng 1.2 km.



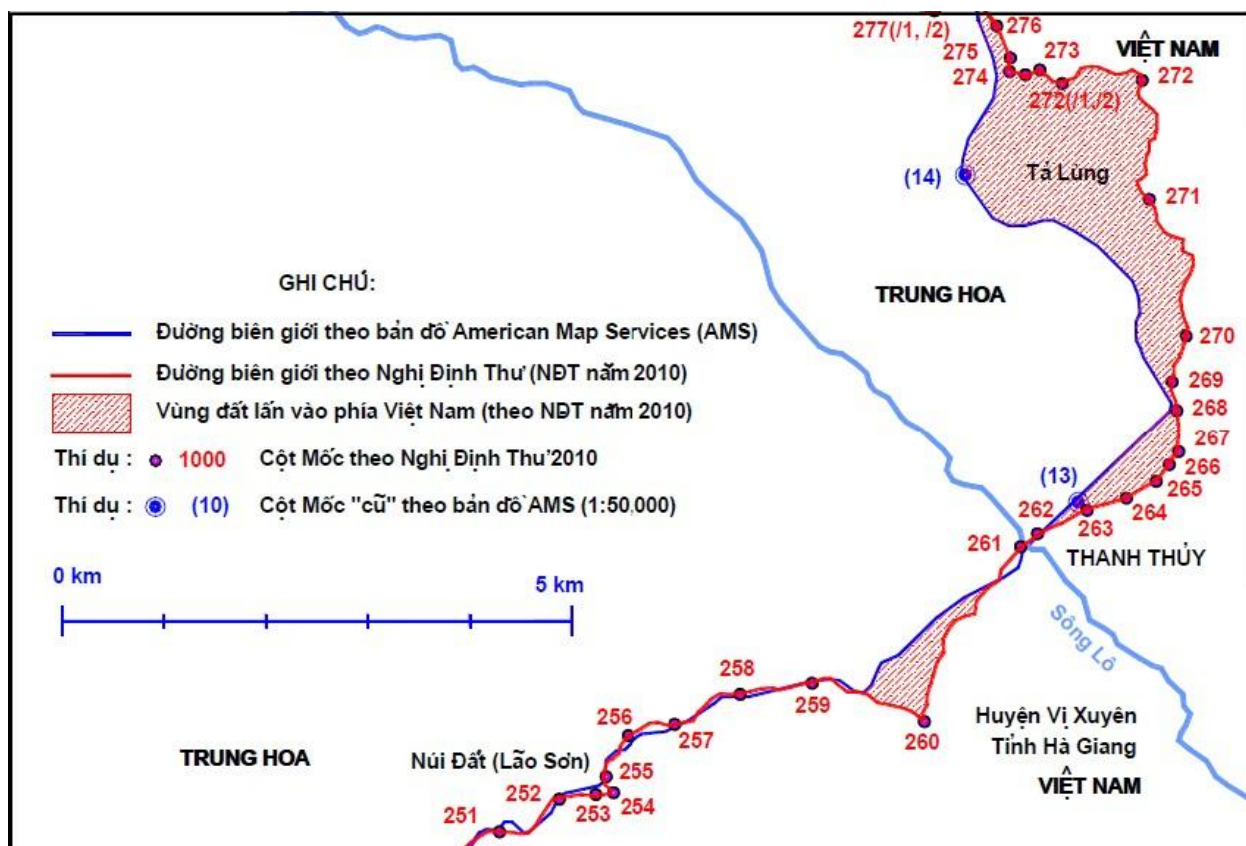
Đoạn BG từ MG 164 đến MG 167 lấn vào lãnh thổ Việt Nam với bề ngang chỗ rộng nhất là 0.8km, chiều dài khoảng 1.7km¹².

Bản đồ AMS số 5754-3, 5854-3, tỷ lệ 1:50,000 và bản đồ AMS số 48-05, 48-06, tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên ĐBG tại vùng này.

¹² Cách 0.6km chỗ ba con sông giao nhau, ở hạ lưu sông Xanh, năm 2006 Trung Quốc xây nhà máy thủy điện Đại Lương Tử (Daliangzi 大梁子) với công suất 32 Mw.

E.1.c. Đường biên giới (ĐBG) giữa hai tỉnh Hà Giang (VN) và Vân Nam (TH)

Từ MG252 đến MG 256 là đoạn BG đã xảy ra những trận giao tranh dữ dội trong chiến tranh BG Việt Nam - Trung Hoa năm 1984-1986. Trung Hoa đã chôn những quân nhân bị tử trận chiến tranh trong lãnh thổ Việt Nam. Qua nghị định cắm mốc, nhà nước CS Việt Nam đã nhượng cho Trung Hoa vùng đất chôn những người này “*vì lý do nhân đạo*”¹³ (MG252-255).

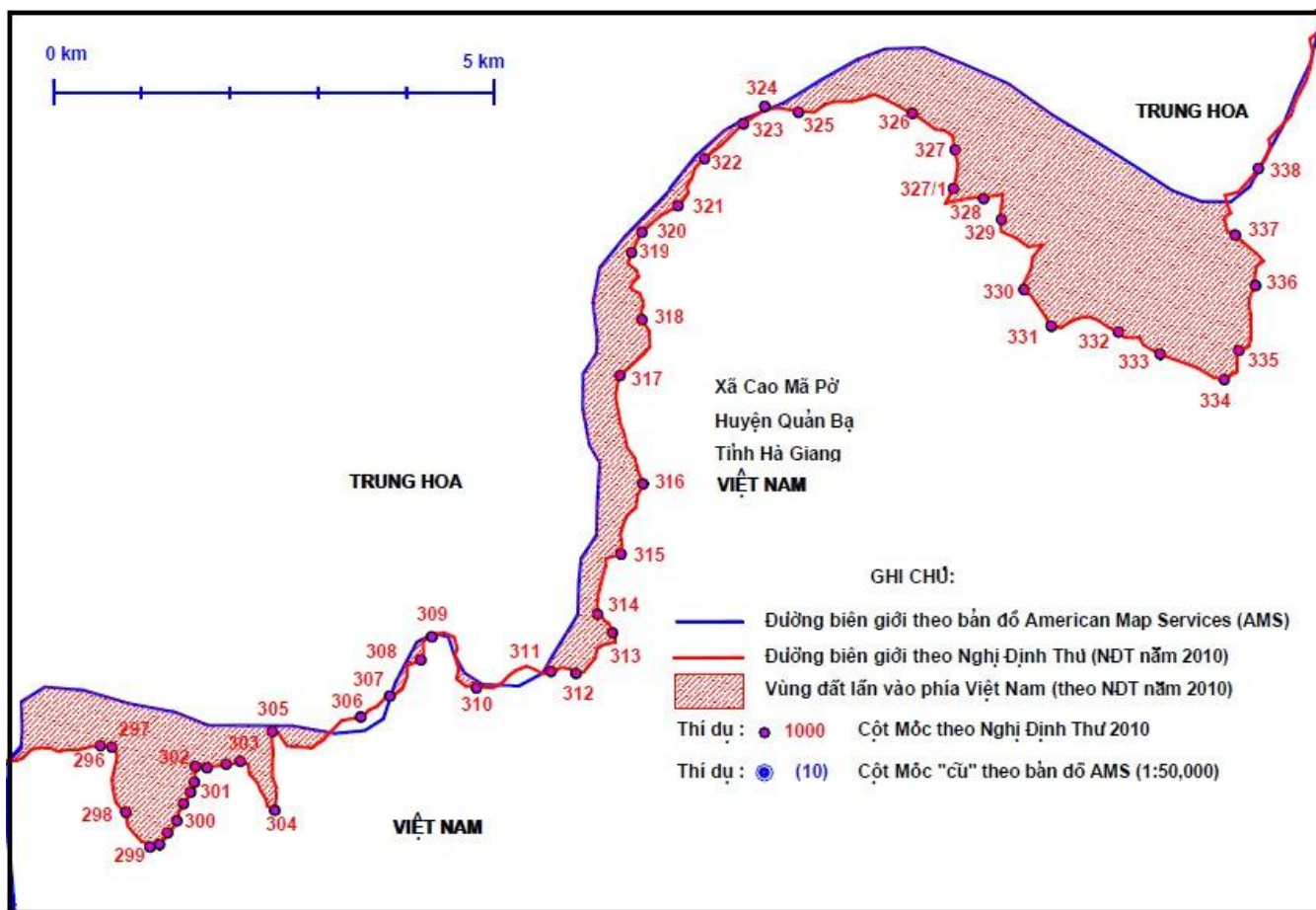


Đoạn BG từ MG 259 đến MG261 đã lấn vào lãnh thổ Việt Nam 0.7km tại MG260.

Đoạn BG từ MG 262 đến MG 277 là vùng Tá Lũng, xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang , ĐBG lấn vào phía Việt Nam với chiều dài khoảng 5km, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 2km.

Bản đồ AMS số 5854-2, 5954-1, tỷ lệ 1:50,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên ĐBG tại vùng này.

¹³ BBC Ngày 16 tháng 9 năm 2013: TS Trần Công Trục (cựu trưởng ban Biên giới Chính phủ Việt Nam): “*Bởi vì đây là nhân nhượng vừa mang tính nhân văn, nhân đạo*”



Từ MG286 theo sông núi và những đoạn thẳng đến MG305. Đoạn BG này có nhiều thay đổi so với với ĐBG (1895). Đoạn BG từ MG295 đến MG305 là vùng đất đã bị Trung Hoa lấn chiếm ở thuộc xã Cao Ma Pờ, huyện Quản Bạ tỉnh Hà Giang đã bị lấn chiếm. Vùng đất này có chiều ngang rộng nhất khoảng 1.8km, chiều dọc khoảng 1.1km.

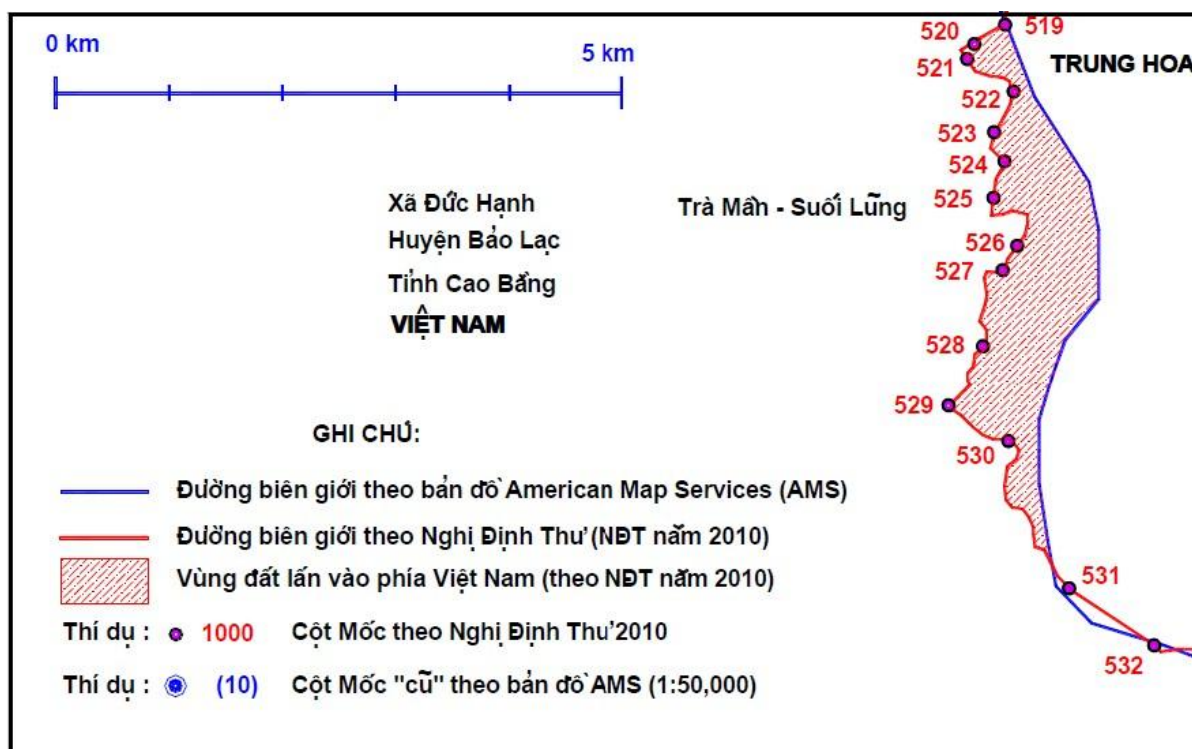
Từ MG310 đến MG314, ĐBG lấn vào lãnh thổ Việt Nam với vùng đất có chiều dài khoảng 1km, chiều ngang khoảng 0.5km. Từ MG 324 đến MG338, ĐBG lấn vào lãnh thổ Việt Nam với vùng đất có chiều dài khoảng 5km, chiều ngang khoảng 2km.

Bản đồ AMS số 6055-3, tỷ lệ 1:50,000 và bản đồ AMS số 48-03, tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh những thay đổi trên ĐBG tại vùng này.

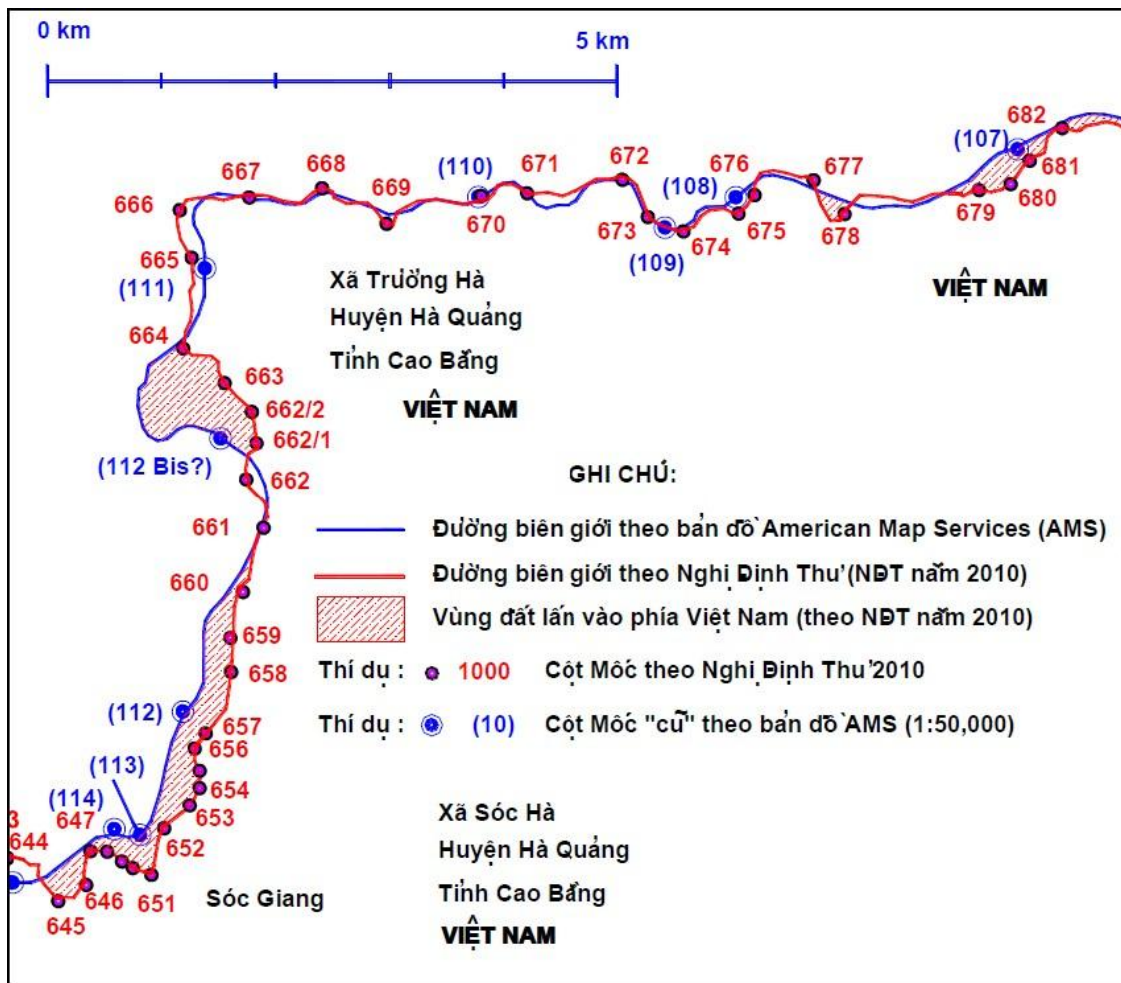
E.1.d. Đường biên giới (ĐBG) giữa hai tỉnh Cao Bằng (VN) và Quảng Tây (TH)

Từ MG519 là ranh giới tỉnh Hà Giang và Cao Bằng của Việt Nam và Quảng Tây của Trung Hoa, ĐBG theo những đoạn thẳng và sông núi đến MG534. Đoạn BG từ MG519 đến MG532 là vùng đất Trà Mần -

Suối Lũng (nơi có cột mốc 136 - 137 cũ) thuộc xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Vùng đất bị lấn này có chiều dài khoảng 4km, chiều ngang khoảng gần 1km.



Bản đồ AMS số 48-03, tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh sơ lược về những thay đổi trên ĐBG tại vùng này.

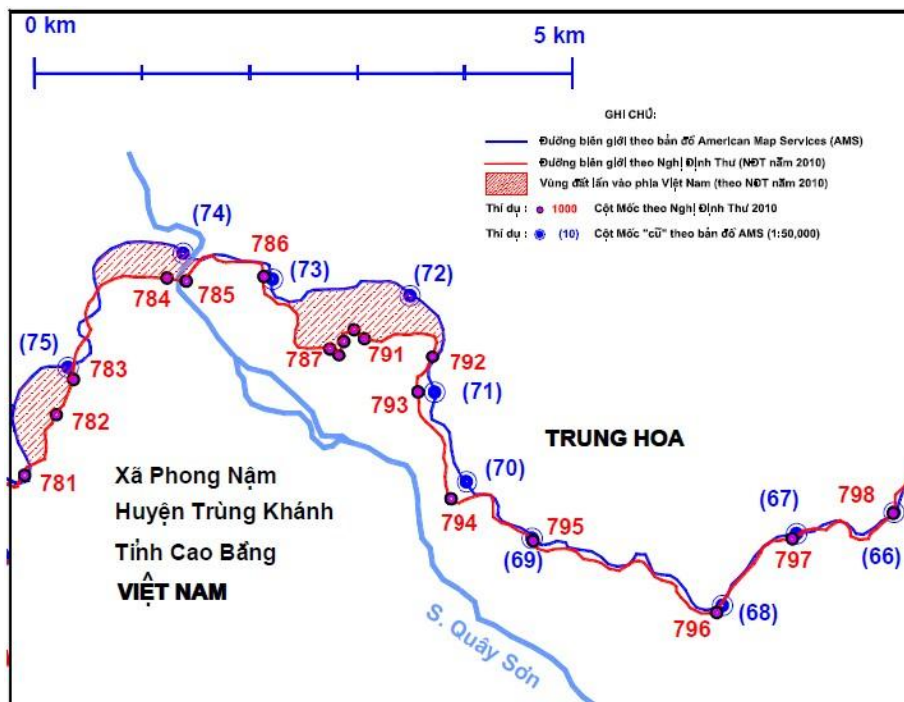
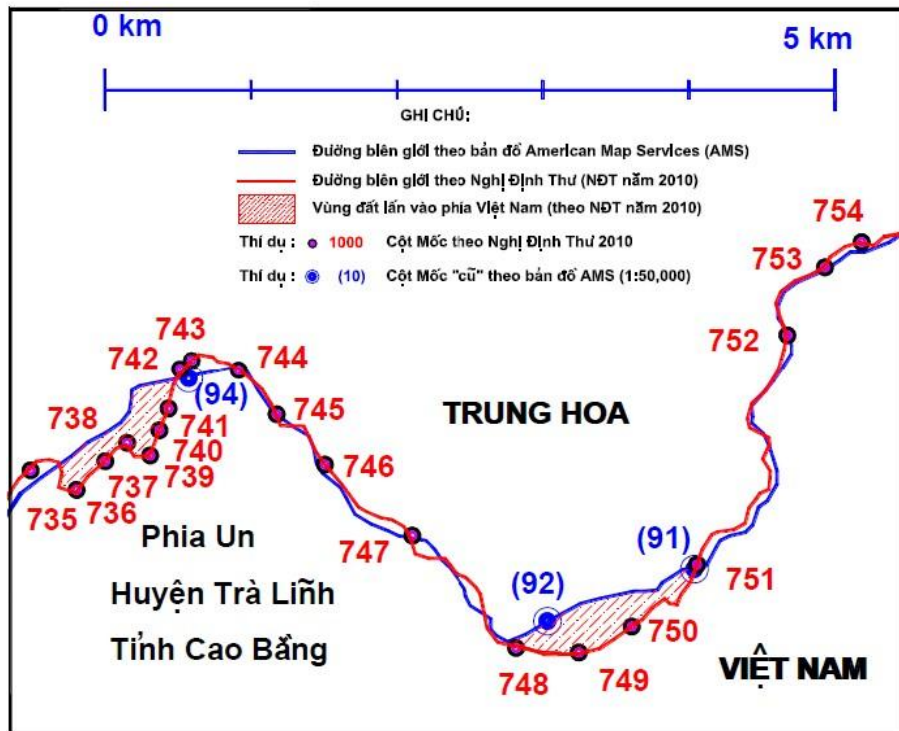


Từ MG647 ở cổng BG (“cửa khẩu”) Sóc Giang đến MG 664 (gần CM(1895) 113). Nơi đây có sự lấn chiếm với chiều dài khoảng 5km, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 1km.

Từ MG718, DBG theo những sông núi và theo những đoạn thẳng đến MG740, khoảng giữa hai CM94 - CM95 cũ, Từ MG735 đến MG740 là vùng Phia Un thuộc huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, từ trước cuộc chiến năm 1979, phía Trung Hoa mượn đất của Việt Nam, nay đã thuộc hẳn về họ, vùng đất này có chiều dài khoảng 1km, chiều ngang khoảng 0.5km, diện tích phỏng chừng 50 hecta.

Từ MG 781 đến MG 792, vùng sông Quây Sơn chảy vào Việt Nam, thuộc xã Phong Nậm, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, DBG đã lấn vào lãnh thổ Việt Nam với vùng đất có chiều dài khoảng 5km, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 0.8km, diện tích khoảng 1.5km².

Bản đồ AMS số 6254-1, 6254-4 tỷ lệ 1:50,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên DBG tại vùng này.



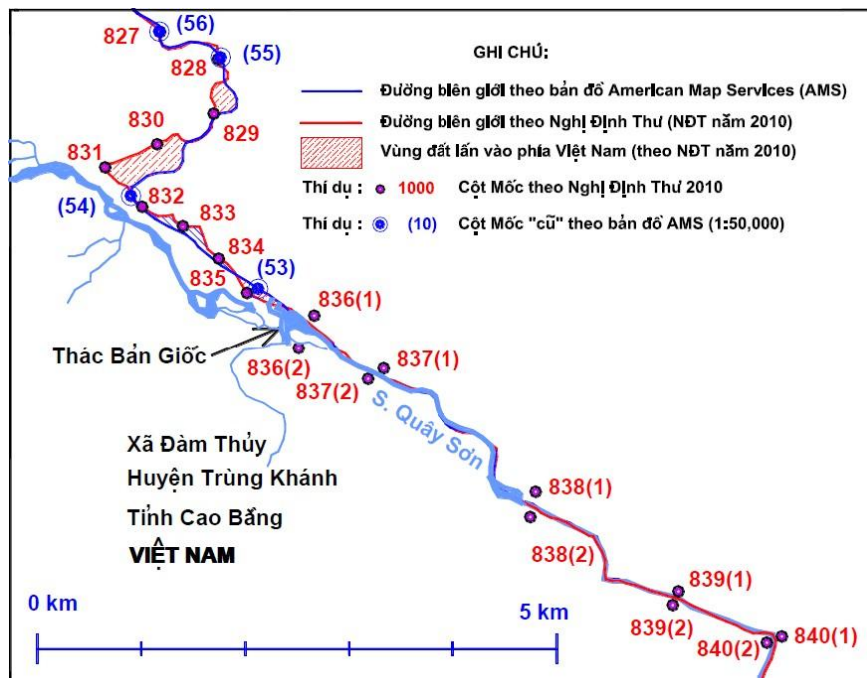
Vùng thác Bản Giốc

Từ MG777, DBG theo những đoạn thẳng và sông núi đến MG830, sau đó DBG theo những đoạn thẳng qua những MG chính và qua khá nhiều MG phụ (MG831/1-5, MG832/1-5, MG833/1-5), đến MG834.

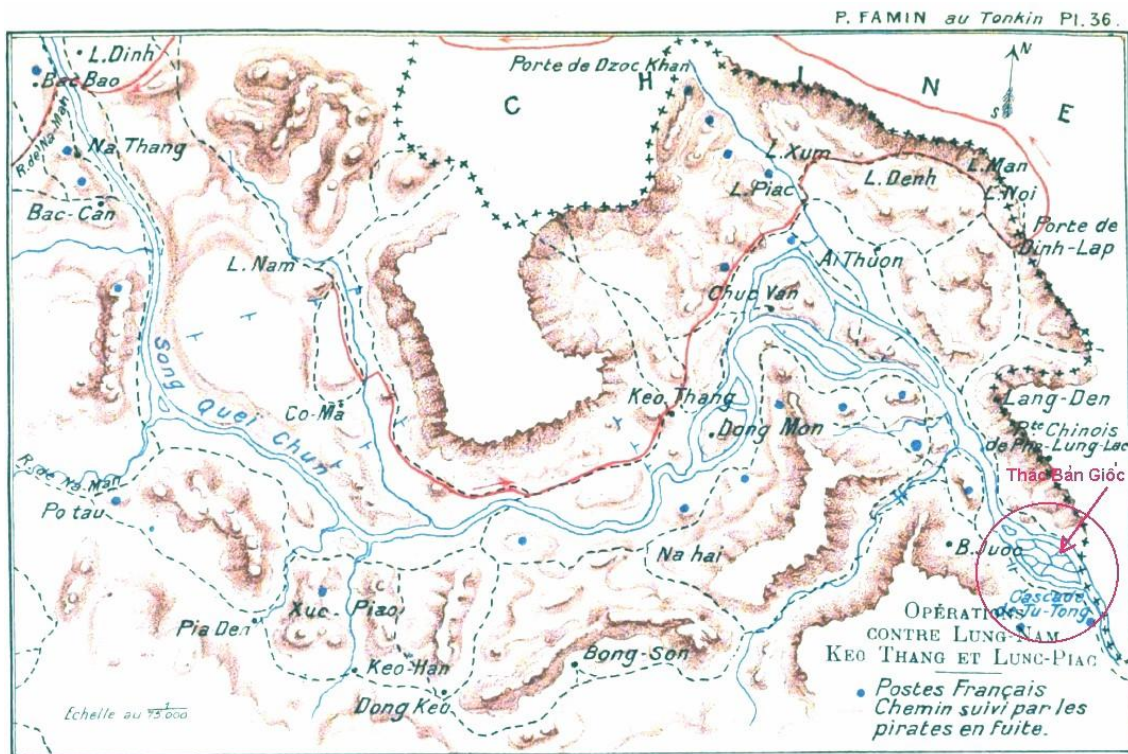
Từ MG834, DBG theo những đoạn thẳng tới MG phụ 834/1, sau đó đến MG835 và MG835/1 rồi đến MG835/2 trên cồn Pò Thoong ở sông Quây Sơn. MG (1895) số 53 ở phía đông bắc của thác, cách MG835 khoảng 0.120km, cách MG835/1 khoảng 0.130m, cách MG835/2 về phía tây bắc khoảng 0.140km.

Từ MG835/2, DBG theo một đoạn thẳng (63m) về hướng đông nam tới một mốc định vị DBG không có số, từ vị trí này DBG đi theo trung tuyến của sông Quây Sơn Hay Quy Xuân) đến MG đôi 836 ở hai bên thác Bản Giốc, rồi đến MG đôi 837 và tiếp tục theo trung tuyến sông Quây Sơn đi về phía đông-nam.

Từ thời Pháp thuộc, thác Bản Giốc hoàn toàn nằm trong lãnh thổ Việt Nam. Năm 1955-1956, Nhà nước CS Bắc Việt Nam đã nhờ Trung Hoa CS in bản đồ, họ đã vẽ lại vị trí CM cũ số 53 ở trên cồn Pò Thoong, thay vì ở phía đông bắc của thác. Năm 1970, Trung Hoa huy động người và lực lượng vũ trang xây đập để chuyển dòng chảy và dời CM53 lên cồn Pò Thoong. Theo như nghị định thư và việc cắm mốc, Trung Hoa đã chiếm 1/3 thác, đặt tên thác là Đức Thiên (Detien- 德天). **Nhà nước CS Việt Nam đã đàm phán và đưa ra Nghị Định thư để xác nhận DBG theo “hiện trạng”, khác với DBG “nguyên trạng” từ xưa, mặc nhiên chấp nhận sự xâm chiếm một phần thác Bản Giốc của Trung Hoa.**

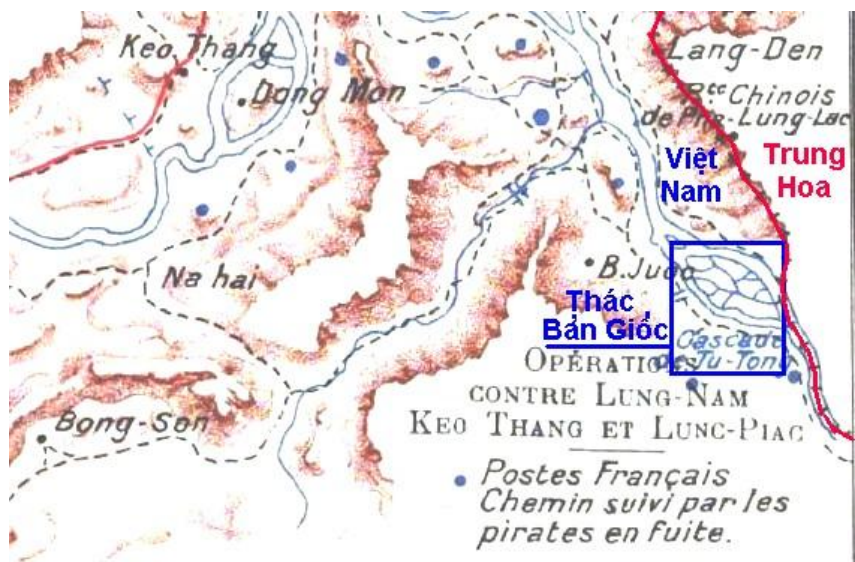


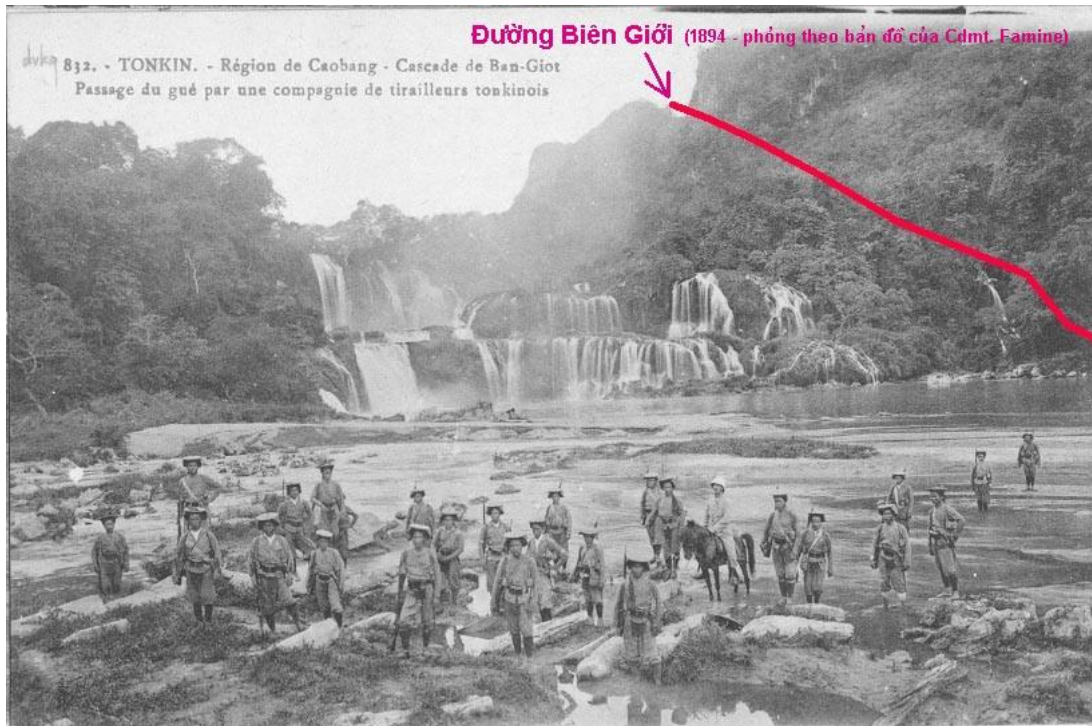
Bản đồ AMS số 6254-4, 6354-4 với tỷ lệ 1:50,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên DBG tại vùng này.



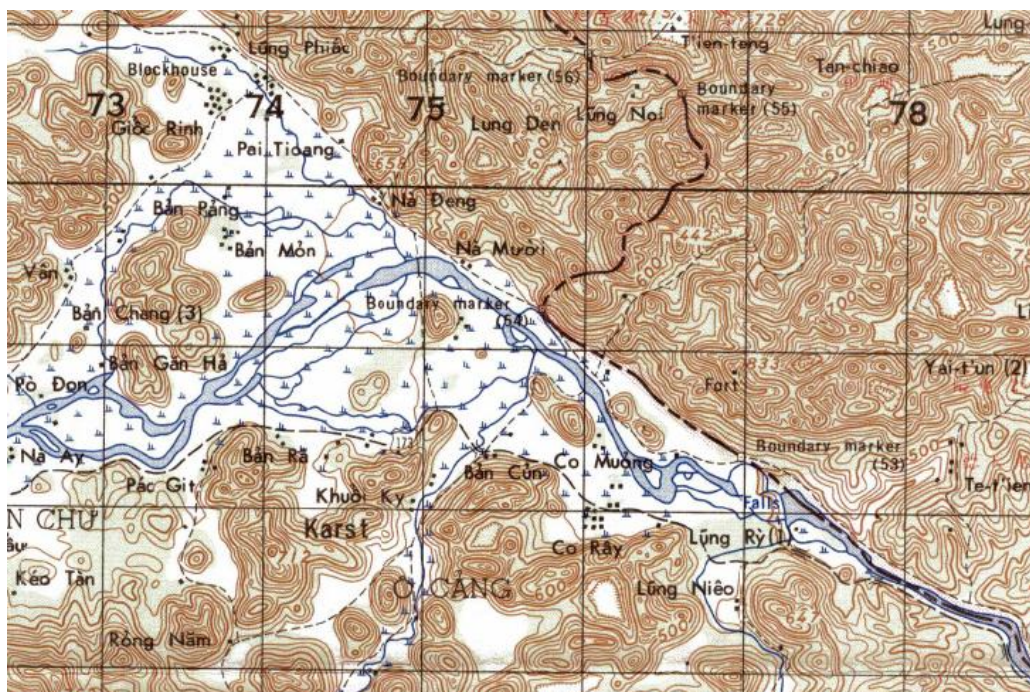
Bản đồ (P. Famin) vùng thác Bản Giốc

(Trích - giữa trang 142/143 - trong sách “Au Tonkin et sur la frontière du Kwang-si” của Le Commandant P. FAMIN - 1894)





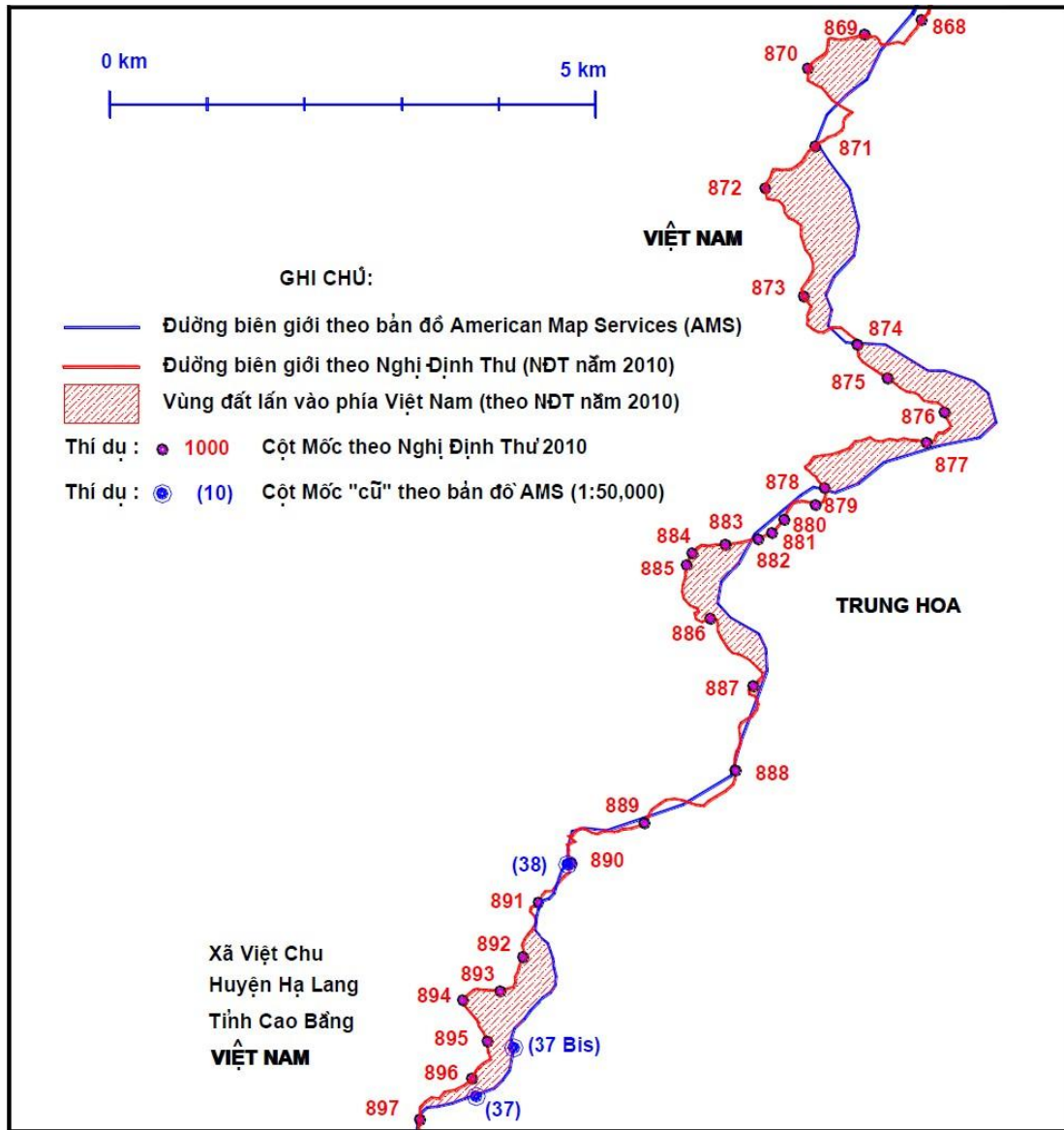
Bưu thiếp 832: Hình đội lính Tập do một sĩ quan Pháp chỉ huy, qua sông ở gần thác Bản Giốc thời Pháp thuộc.



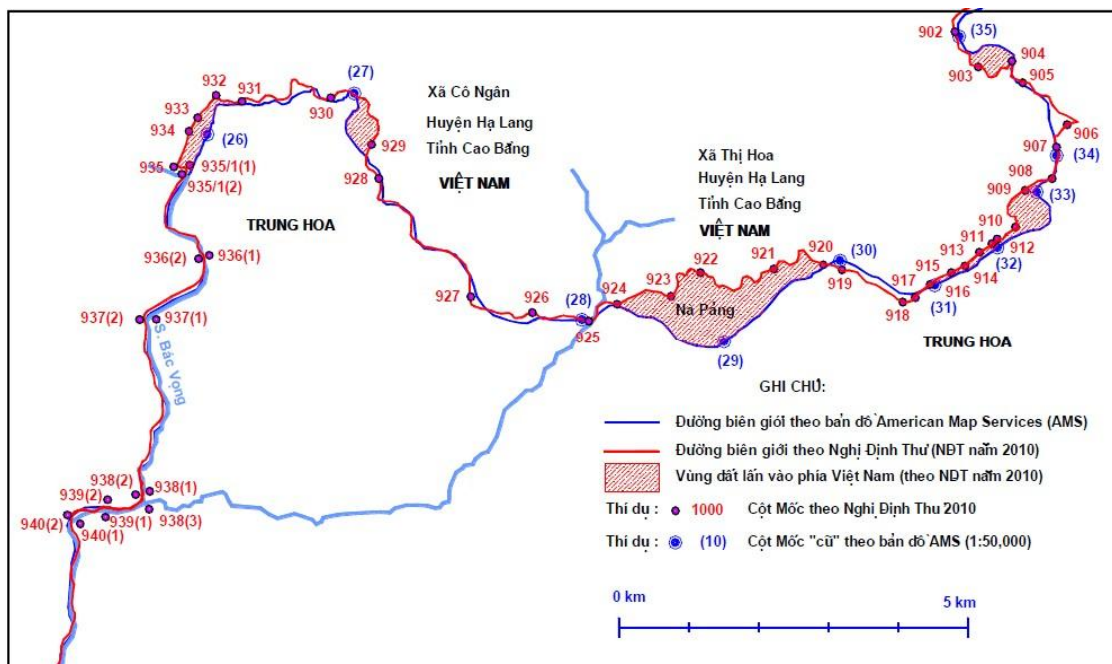
Vùng thác Bản Giốc (bản đồ AMS với tỷ lệ 1:50,000)

Từ MG869 đến MG897, ĐBG(2010) đã lấn vào lãnh thổ Việt Nam nhiều chỗ với tổng số diện tích bị xâm lấn khoảng gần 2.0km².

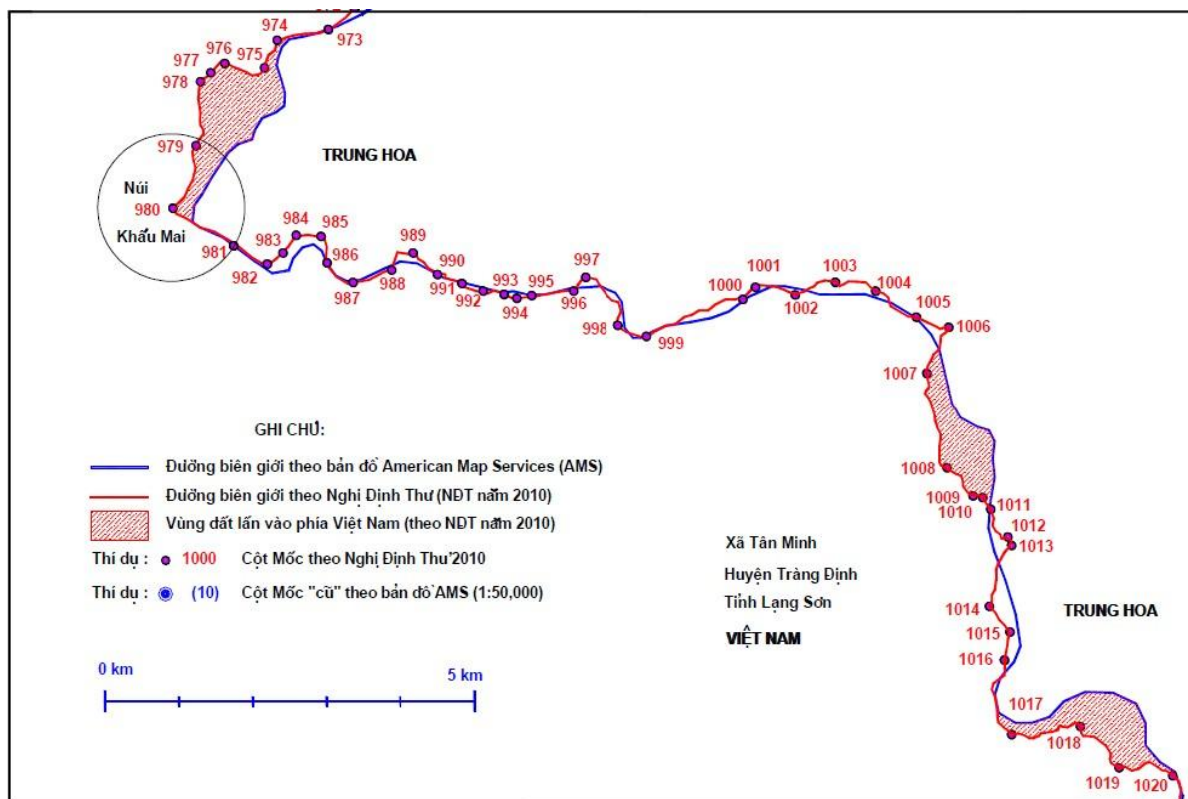
Bản đồ AMS số 6354-3, tỷ lệ 1:50,000 và bản đồ AMS số 48-08, tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên ĐBG tại vùng này.



Từ MG902 đến MG935, ĐBG(2010) lấn vào lãnh thổ Việt Nam ở bản Nà Pảng, thuộc xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng với chiều dài khoảng 3.2km, chiều ngang chỗ rộng nhất 1.2km, tại CM(1895) số 28, 29 và 30. Tổng số diện tích bị xâm lấn từ MG902 đến MG935 khoảng 2.3 km².



Bản đồ AMS số 6354-3, tỷ lệ 1:50,000 và bản đồ AMS số 48-08, tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên ĐBG tại vùng này.



E.1.e. Đường biên giới (ĐBG) giữa hai tỉnh Lạng Sơn (VN) và Quảng Tây (TH)

Từ MG 974 đến MG980 ở đỉnh núi Khẩu Mai, đây là ngọn núi có vị trí chiến lược đặc biệt mà phía Trung Hoa đã cố chiếm cho được. Từ núi Khẩu Mai có thể quan sát toàn vùng Long Châu của Trung Hoa. ĐBG (1895) kể từ MG974 lấn vào lãnh thổ Việt Nam khoảng 2km theo chiều dài, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 1km. Tại núi Khẩu Mai, ĐBG từ lưng chừng núi, đã bị dời lên đỉnh núi tại MG980.

Từ MG1006 đến MG1011, ĐBG (2010) lấn vào Việt Nam với một vùng có chiều dài khoảng 2km, bề ngang chỗ rộng nhất khoảng 0.8km, từ MG1017 đến MG1020, lấn vào Việt Nam một vùng có chiều dài khoảng 2km, bề ngang chỗ rộng nhất khoảng 0.8km, từ MG1032 đến MG1035, lấn vào Việt Nam một vùng có chiều dài khoảng 1.8km, bề ngang chỗ rộng nhất khoảng 0.8km. MG1035 ở bờ phía bắc sông Kỳ Cùng,

Đây là vùng ải Bình Nhi thời xưa, ngày nay là xã Đào Viên, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Từ MG 1070 đến MG1074, ĐBG (2010) lấn vào Việt Nam với một vùng có chiều dài khoảng 2km, bề ngang chỗ rộng nhất khoảng 0.4km, từ MG1077 đến MG1087, lấn vào Việt Nam một vùng có chiều dài khoảng 2km, bề ngang chỗ rộng nhất khoảng 0.4km.

Bản đồ AMS số 6353-3, tỷ lệ 1:50,000 và AMS số 48-08, tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên ĐBG tại vùng này.

Vùng ải Nam Quan

Từ MG 1090 đến MG 1099, ĐBG (2010) đã lấn vào lãnh thổ Việt Nam một vùng đất có chiều dài khoảng 4.5 km, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 0.4 km.

Từ MG 1103 đến MG 1128, ĐBG (2010) đã lấn vào lãnh thổ Việt Nam một vùng đất có chiều dài khoảng 5 km, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 1 km. Đoạn biên giới này có cổng Hữu Nghị, ở giữa MG1116 và MG1117. **Ải Nam Quan nay đã nằm trong đất Trung Hoa, cách cổng này 500m về phía bắc.**

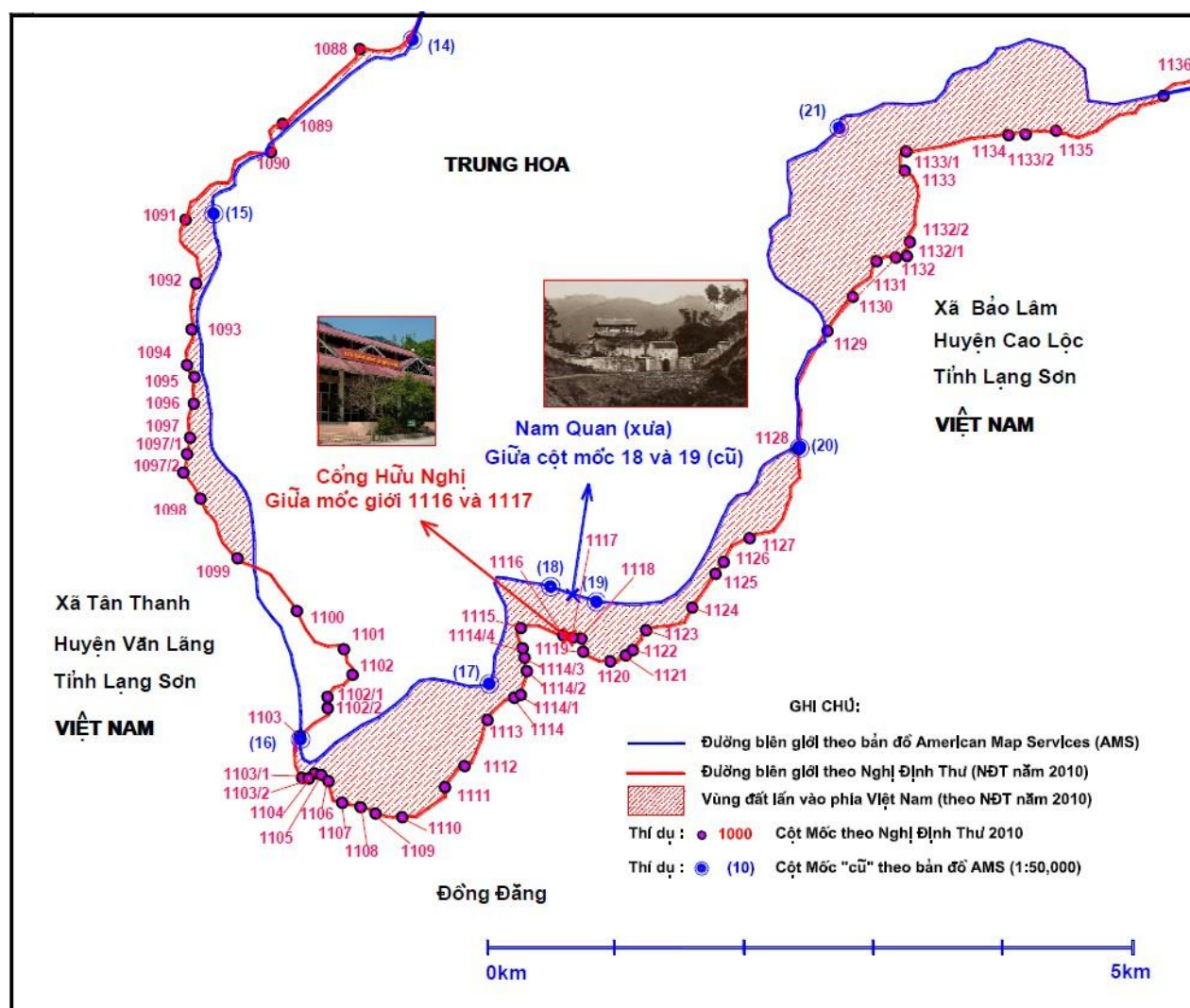
- MG1116 đặt trên sườn núi, ở độ cao 312.3m, tọa độ 21°58'25.419" bắc và 106°42'25.419" đông. MG1116 cách CM18 (1895) 300m, cách CM19 (1895) 300m.

- MG1116 đi qua cây số 0km, rồi qua “cổng Hữu Nghị” đến MG1117.

- Khoảng cách giữa hai MG1116-MG1117 là 85m.

- MG1117 đặt trên sườn núi ở độ cao 312.5m, tọa độ 21°58'25.138" bắc và 106°42'43.744" đông. MG1117 cách CM18 (1895) 300m, cách CM19 (1895) 250m.

Từ MG1117, ĐBG theo một đoạn thẳng ngắn (34m) đến MG1118, rồi theo sống núi và những đoạn thẳng đến MG1129.



Vùng Nam Quan

Đoạn biên giới này có cổng Hữu Nghị, ở giữa MG1116 và MG1117.

Ải Nam Quan nay đã nằm trong đất Trung Hoa, cách cổng này 500m về phía bắc. Theo Nghị Định thư (với bản đồ để so sánh) thì ĐBG vùng Nam Quan hầu như toàn bộ đã thay đổi sau Hiệp Định 1999. **Nhà nước CS Việt Nam đã thừa nhận sự xâm chiếm của CS Trung Hoa từ MG1090 đến MG1028 một diện tích hơn 3km² ở vùng Nam Quan.**

Từ MG 1129 đến MG 1136, ĐBG (2010) đã lấn vào lãnh thổ Việt Nam một vùng đất có chiều dài khoảng 3 km, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 1 km.

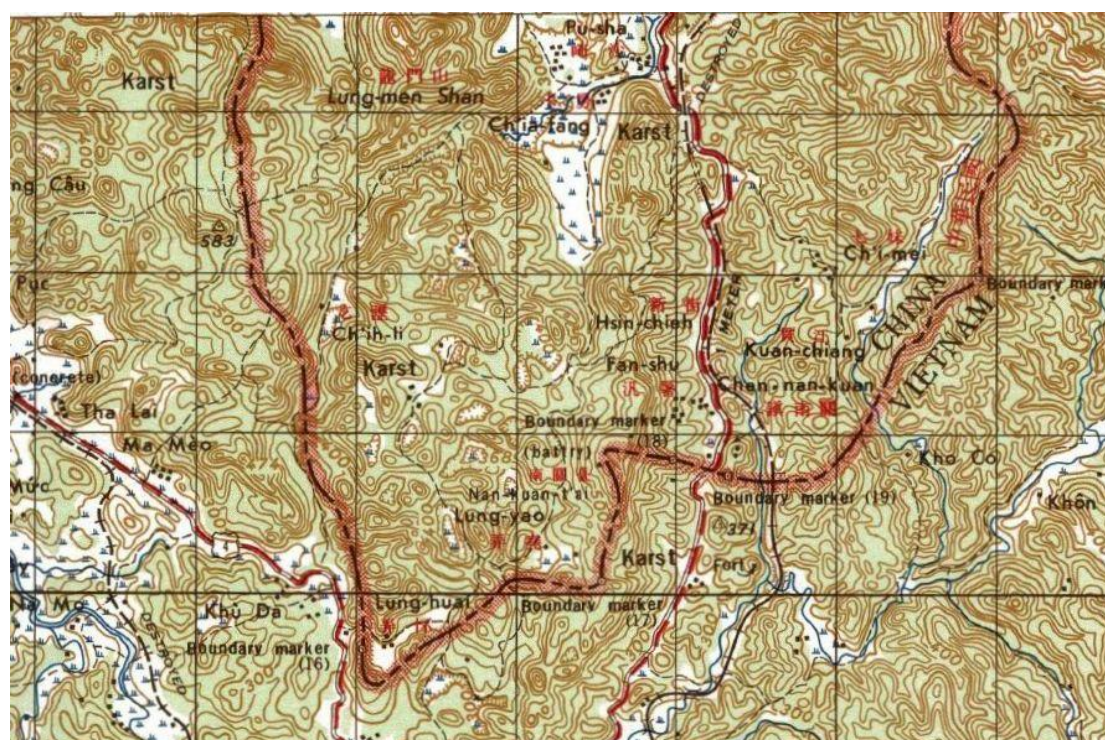
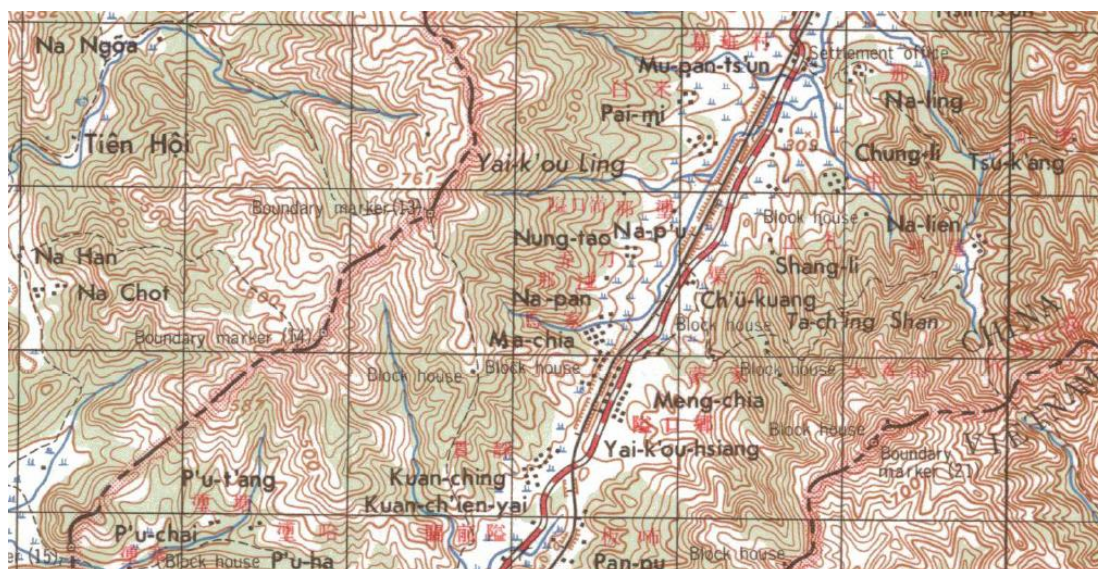
Bản đồ AMS số 6352-4, tỷ lệ 1:50,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên ĐBG tại vùng này.

Từ MG1129, ĐBG theo các đoạn thẳng và các khe núi và sông núi đến MG1136. Đoạn BG (2010) này từ MG1129 đến MG 1136 lần vào lãnh thổ Việt Nam một vùng đất có chiều dài khoảng 2.5km và chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 1km .

Bản đồ Lạng Sơn - AMS số 6352-1 với tỷ lệ 1:50,000 và bản đồ AMS số 48-08 với tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh về những thay đổi trên ĐBG tại vùng này.



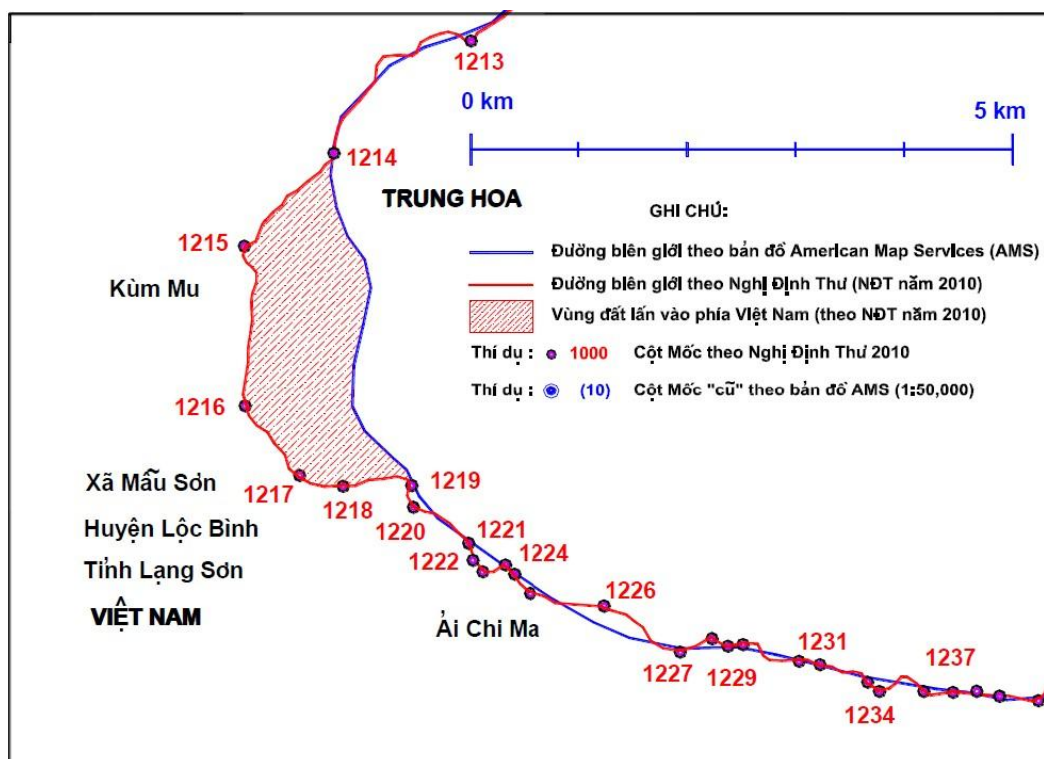
Bản đồ được trích từ Nghị Định Thư 2010



Trích từ bản đồ AMS với tỷ lệ 1:50,000

Từ MG1214 đến MG1219 là vùng Kùm Mu, DBG (2010) lấn vào lãnh thổ Việt Nam, 1.8km theo chiều đông - tây và 3.3km theo chiều bắc - nam.

Bản đồ AMS số 6452-3 với tỷ lệ 1:50,000 và bản đồ AMS số 48-12 với tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh sơ lược về những thay đổi trên DBG tại vùng này.



E.1.f. Đường biên giới giữa hai tỉnh Quảng Ninh (VN) và Quảng Tây (TH)

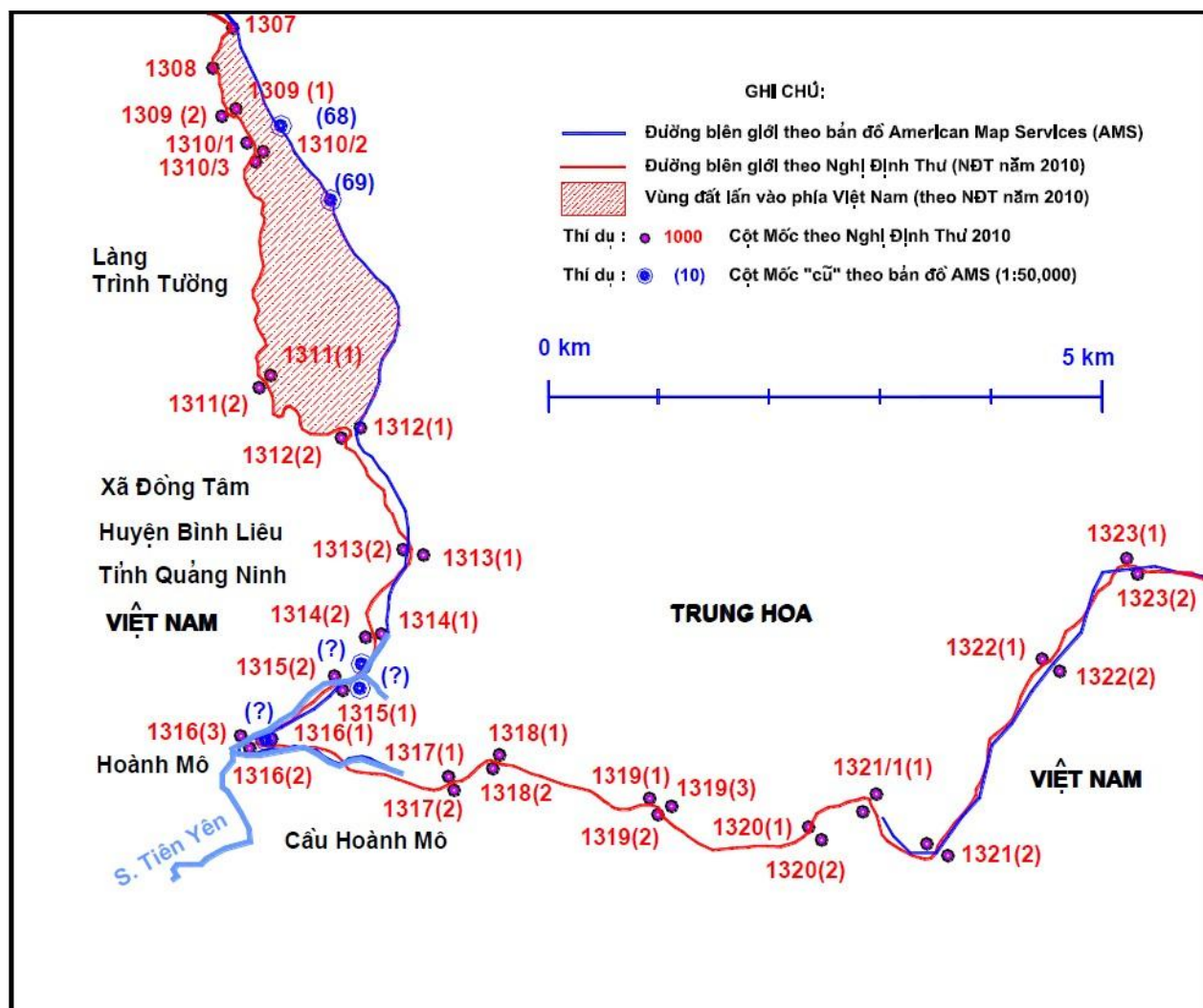
Từ MG1307 đến MG1312, DBG (2010) lấn vào lãnh thổ Việt Nam so với DBG (1895), chỗ rộng nhất theo chiều đông-tây khoảng 1.2km theo chiều bắc-nam khoảng 3km. Đây là **làng Trình Tường**, kể xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đã bị Trung Hoa lấn chiếm.

Biên giới chỗ **cầu Hoàn Mô** tại MG1317 đã bị lấn chiếm bằng công trình xây dựng, làm chuyển dịch dòng chảy của sông Đồng Mô để lấn đất.

Bản đồ AMS số 6452-2 với tỷ lệ 1:50,000 và bản đồ AMS số 48-12 với tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh sơ lược về những thay đổi trên DBG tại vùng này.

Cầu Pò Hèn tại MG1347, bản Pò Hèn, xã Hải Sơn, huyện Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cũng đã xảy ra việc lấn chiếm như cầu Hoàn Mô bằng công trình xây dựng. Từ MG đôi 1347 (cầu Pò Hèn), DBG theo sông Ka Long đến MG ba 1349 và 1350, là nơi dòng sông Bắc Luân (Bei Lun He) từ Trung Hoa chảy xuống hợp với sông Ka Long.

Bản đồ AMS số 48-12 với tỷ lệ 1:200,000 được dùng để so sánh sơ lược về những thay đổi trên DBG tại vùng này.



E.1.g. Đoạn BG từ MG1350 đi qua MG1378 đến điểm cuối của DBG ở cửa sông Bắc Luân

Từ MG ba 1350, DBG theo sông Ka Long đến MG ba 1368, nơi sông Ka Long tách làm hai nhánh, một nhánh chảy về phía đông ra biển là sông Bắc Luân, nhánh chảy về phía nam vẫn gọi là sông Ka Long. Từ MG1368, DBG theo sông Bắc Luân đến MG ba 1372 là nơi Luo Fu Jiang chảy và sông Bắc Luân, sau đó DBG đến MG đôi 1373 đi qua phía tây bắc của bãi đất bồi Tục Lãm (dài 1.4km, diện tích 52 hecta hay 0.52km²) tại MG1374, rồi theo đường thẳng đến MG1375. Từ MG này theo đường thẳng đến MG1376 ở phía đông nam của **bãi Tục Lãm**. Từ MG1376, DBG theo đường thẳng đến MG1377 ở phía tây bắc bãi đất bồi Dậu Gót, sau đó DBG theo đường thẳng đến MG1378 ở phía đông nam **bãi Dậu Gót**. Từ MG1378, DBG đi theo đường thẳng, đến tọa độ 21°30'08.244" bắc và 108°04'14.87" đông, sau đó theo "trung tuyến luồng chính tàu thuyền đi lại sông Bắc Luân" đến điểm kết thúc đường biên giới tại tọa độ 21°28'12.5" bắc và 108°06'04.3" đông.

Bãi Tục Lãm, Dậu Gót, **Tài Xọc** là những bãi đất bồi sau này, chưa xuất hiện khi ký các công ước Pháp-Thanh (1895). Tuy nhiên nếu theo Công ước thì đường biên giới là dòng chảy sâu nhất, dòng chảy chính

E.2. Bảng liệt kê những chỗ phía Trung Hoa xâm chiếm vào lãnh thổ Việt Nam

	Trong khoảng		Xã	Huyện	Tỉnh	Diện tích phỏng định	Ghi chú
	Từ mốc giới	Đến mốc giới					
1	43	44	Pa Vệ Sứ	Mường Tè	Lai Châu	0.5 Km ²	Cao điểm
2	79	80	Pa Vây Sứ	Mường Tè	Lai Châu	1.0 Km ²	Cao điểm
3	112	125	Nậm Chảy	Mường Khương	Lào Cai	3.5 Km ²	Cao điểm
4	163	167	Pha Long	Mường Khương	Lào Cai	1.0 Km ²	Cao điểm, đã ghi trong BVL
5	180	181	Pa Vây Sứ	Xín Mần	Hà Giang	1.2 Km ²	Cao điểm
6	219	222	Bản Máy	Hoàng Su Phì	Hà Giang	1.3 Km ²	Cao điểm
7	229	235	Bản Máy	Hoàng Su Phì	Hà Giang	3.0 Km ²	Cao điểm
8	252	261	Thanh Thủy	Vị Xuyên	Hà Giang	0.5 Km ²	Vùng núi Đát (Lão Sơn)
9	262	277	Minh Tân	Vị Xuyên	Hà Giang	4.5 Km ²	Cao điểm
10	284	285	Tả Ván	Quản Bạ	Hà Giang	0.8 Km ²	Cao điểm
11	296	306	Cao Mã Pờ	Quản Bạ	Hà Giang	3.0 Km ²	Cao điểm, đã ghi trong BVL
12	311	338	Ngĩa Thuận	Quản Bạ	Hà Giang	7.0 Km ²	
13	339	345	Bạch Đích	Yên Minh	Hà Giang	1.0 Km ²	
14	371	374	Phú Lũng	Yên Minh	Hà Giang	1.2 Km ²	
15	396	397	Sùng Lá	Đồng Văn	Hà Giang	0.3 Km ²	
16	398	406	Lũng Tao	Đồng Văn	Hà Giang	2.2 Km ²	
17	438	451	Thượng Phùng	Mèo Vạc	Hà Giang	1.5 Km ²	Cao điểm
18	492	495	Sơn Vỹ	Mèo Vạc	Hà Giang	0.6 Km ²	Cao điểm
19	519	531	Đức Hạnh	Bảo Lạc	Cao Bằng	2.8 Km ²	Cao điểm, việc lấn chiếm đã ghi trong BVL
20	558	561	Thượng Hà	Bảo Lạc	Cao Bằng	0.3 Km ²	Cao điểm
21	568	569	Thượng Hà	Bảo Lạc	Cao Bằng	0.1 Km ²	Cao điểm
22	571	575	Thượng Hà	Bảo Lạc	Cao Bằng	0.7 Km ²	Cao điểm
23	579	588	Cô Ba	Bảo Lạc	Cao Bằng	1.5 Km ²	Cao điểm
24	593	597	Xuân Trường	Bảo Lạc	Cao Bằng	0.7 Km ²	Cao điểm
25	613	620	Cần Yên	Thông Nông	Cao Bằng	0.4 Km ²	
26	623	630	Cần Yên	Thông Nông	Cao Bằng	0.7 Km ²	
27	637	639	Vị Quang	Thông Nông	Cao Bằng	0.1 Km ²	
28	645	664	Sóc Hà	Hà Quảng	Cao Bằng	1.4 Km ²	Cao điểm kế Sóc Giang
29	677	682	Lũng Năm	Hà Quảng	Cao Bằng	0.3 Km ²	
30	686	688	Lũng Năm	Hà Quảng	Cao Bằng	0.3 Km ²	

31	690	693	Lũng Năm	Hà Quảng	Cao Bằng	0.6 Km ²	
32	713	717	Tổng Cốt	Hà Quảng	Cao Bằng	0.5 Km ²	
33	720	725	Cô Mười	Trà Lĩnh	Cao Bằng	0.4 Km ²	
34	735	742	Xuân Nội	Trà Lĩnh	Cao Bằng	0.3 Km ²	Phía Un
35	748	751	Tri Phụng	Trà Lĩnh	Cao Bằng	0.3 Km ²	
36	761	766	Phong Nậm	Trùng Khánh	Cao Bằng	0.7 Km ²	
37	781	792	Phong Nậm & Ngọc Khê	Trùng Khánh	Cao Bằng	1.5 Km ²	
38	828	836	Đàm Thủy	Trùng Khánh	Cao Bằng	0.4 Km ²	Thác Bản Giốc
39	862	865	Quang Long	Hạ Lang	Cao Bằng	0.4 Km ²	
40	868	871	Quang Long	Hạ Lang	Cao Bằng	0.3 Km ²	
41	871	874	Quang Long	Hạ Lang	Cao Bằng	0.6 Km ²	
42	874	878	Quang Long	Hạ Lang	Cao Bằng	0.7 Km ²	
43	882	887	Quang Long	Hạ Lang	Cao Bằng	0.3 Km ²	
44	891	897	Việt Chu	Hạ Lang	Cao Bằng	0.7 Km ²	Cao điểm
45	902	904	Thái Đức	Hạ Lang	Cao Bằng	0.2 Km ²	
46	908	912	Thị Hoa	Hạ Lang	Cao Bằng	0.2 Km ²	
47	920	924	Thị Hoa	Hạ Lang	Cao Bằng	1.4 Km ²	Cao điểm
48	928	930	Cô Ngân	Hạ Lang	Cao Bằng	0.2 Km ²	Cao điểm
49	931	935	Triệu Âu	Hạ Lang	Cao Bằng	0.3 Km ²	
50	945	948	Vùng thị xã Tà Lùng	Quảng Hòa	Cao Bằng	0.1 Km ²	Cao điểm gần công biên giới Tà Lùng
51	950	952	Đức Long	Thạch An	Cao Bằng	0.2 Km ²	Cao điểm
52	974	980	Quốc Khánh	Tràng Định	Lạng Sơn	1.2 Km ²	Cao điểm, núi Khẩu Mai
53	1016	1020	Tân Minh	Tràng Định	Lạng Sơn	0.8 Km ²	Cao điểm
54	1032	1035	Đào Viên	Tràng Định	Lạng Sơn	0.5 Km ²	
55	1040	1042	Đào Viên	Tràng Định	Lạng Sơn	0.1 Km ²	Cao điểm
56	1070	1074	Tân Thanh	Văn Lãng	Lạng Sơn	0.6 Km ²	
57	1077	1087	Tân Thanh	Văn Lãng	Lạng Sơn	1.2 Km ²	
58	1090	1099	Tân Mỹ	Văn Lãng	Lạng Sơn	0.8 Km ²	Vùng Ải Nam Quan
59	1103	1128	Bảo Lâm	Cao Lộc	Lạng Sơn	2.3 Km ²	Vùng Ải Nam Quan
60	1129	1136	Bảo Lâm	Cao Lộc	Lạng Sơn	2.2 Km ²	Cao điểm
61	1181	1184	Cao Lâu	Cao Lộc	Lạng Sơn	0.2 Km ²	
62	1214	1219	Xuất Lễ	Cao Lộc	Lạng Sơn	2.5 Km ²	Kùm Mu
63	1307	1312	Đồng Tâm	Bình Liêu	Quảng Ninh	2.0 Km ²	Trình Tường

Trung Hoa lấn sang phía Việt Nam (diện tích phẳng định): 68.1 Km²

**** Cao điểm:** Những chỗ cao hơn vùng chung quanh để có thể là "cao điểm chiến lược". Cao độ được kiểm chứng bằng Google Earth.

Ngoài những chỗ đã liệt kê trên với nhiều chỗ là cao điểm có tính cách chiến lược để bao vây Việt Nam, phía Trung Hoa còn lợi dụng việc xây dựng các công trình hữu nghị để lấn chiếm những chỗ như cầu Pa Nậm Cúm ở MG66, cầu Hoàn Mô ở MG1317, cầu Pò Hèn ở MG1347, hay xây kè bê-tông dọc theo bờ sông dài 1 km ở gần cầu Hoàn Mô để chuyển dòng chảy về phía Việt Nam.

E.3. Việc cho ngoại bang thuê rừng dài hạn ở biên giới phía bắc

Ngoài việc nhượng đất và biển, nhà nước Cộng Sản Việt Nam còn cho ngoại bang thuê 305,000 hecta (3050 km²) rừng với thời hạn 50 năm ¹⁴. Một diện tích lớn (264,000 hecta) rừng tại những tỉnh vùng biên giới phía bắc đã cho Trung Hoa thuê. Kinh nghiệm đã trải qua là ở Phia Un (cột mốc 94-95 thời Pháp - Thanh), huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, từ việc mượn đất đã biến vùng này thành lãnh thổ của Trung Hoa với sự thừa nhận của Nhà nước CS Việt Nam qua NĐT 2010. Ngày nay, với một vùng lãnh thổ rộng lớn nằm trong vòng kiểm soát của Trung Hoa, có thể vùng rừng núi cho thuê sẽ thành lãnh thổ của Trung Hoa trong tương lai? “Đây là một hiểm họa cực lớn liên quan đến an ninh nhiều mặt của quốc gia”, “Mất của cải còn làm lại được, còn mất đất là mất hẳn” ¹⁵. Ngoài ra việc phá rừng sẽ gây cảnh lụt lội, rồi đến việc khai thác khoáng sản trái phép khó có thể kiểm soát làm thiệt hại tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam. Vì ham lợi tạm thời, Nhà nước CS Việt Nam đã di họa lâu dài cho các thế hệ trong tương lai của Việt Nam.

F. Kết luận

Từ khi Cổ Việt (Lạc Việt) được thành lập dưới thời Hùng Vương, dân Lạc Việt chưa bị ảnh hưởng bởi Hán tộc. Đến khi nhà Tần gồm sáu nước, dựng nên một quốc gia thống nhất là Trung Hoa, tư tưởng bành trướng thế lực và lãnh thổ đã là một thảm họa cho các dân tộc chung quanh. Hầu hết các tộc Việt trong nhóm Bách Việt đã bị Hán hóa (sinicization), ngoại trừ Lạc Việt. Vùng lãnh thổ phía nam của dân Việt là một cản trở cho sự bành trướng, **xâm chiếm và Hán hóa vùng này. Đây là một âm mưu truyền kiếp của họ.**

Kể từ khi Việt Nam có độc lập năm 938, các triều đại nào của Trung Hoa ít ra cũng một lần mang quân sang xâm lăng: Nam Hán, Tống, Nguyên, Minh, Thanh.

¹⁴ <http://www.rfa.org/vietnamese/vietnam/chinh-tri/China-Hongkong-and-Taiwan-to-lease-Vietnam-riverhead-forest--02122010120853.html>

“Thông tin về việc hai tỉnh Lạng Sơn và Quảng Ninh đã cùng với nhiều tỉnh khác âm thầm cho 10 doanh nghiệp nước ngoài thuê đất rừng đầu nguồn 50 năm để trồng rừng nguyên liệu với tổng diện tích hơn 305 nghìn ha, trong đó Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc chiếm trên 264 nghìn ha, ở các tỉnh miền biên giới”.

¹⁵ Nguồn: http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2010/02/100222_forestation_projects.shtml

Để theo đuổi chủ nghĩa bành trướng, các hoạt động quân sự, chính sách ngoại giao, hay phổ biến văn hóa, hoặc chính sách “tầm ăn dâu”, đều được Trung Hoa mang ra dùng khi có cơ hội thuận tiện. Đây là mối nguy thường trực cho các nước kề cận Trung Hoa, đặc biệt là Việt Nam, thời Pháp thuộc đã bị mất khoảng 1700km² vùng biên giới.

Trong thời cận đại, Trung Hoa dưới sự cai trị độc tài toàn trị của đảng Cộng Sản âm mưu bành trướng và họa xâm lăng của Trung Hoa lại càng lộ rõ và đẩy mạnh như thôn tính Mông Cổ, Tây Tạng; tranh chấp biên giới với Ấn Độ, Việt Nam, Miến Điện.

Riêng tại Việt Nam, trên đất liền, để tiếp tế cho Cộng Sản Bắc Việt chiếm miền Nam, Trung Hoa Cộng Sản đưa quân sang để rồi một số lớn dân thiểu số ở lại định cư, lập bản, làng trên vùng biên giới sau khi trận chiến Bắc-Nam VN kết thúc năm 1975. Họ đã di chuyển những cột mốc trên đường biên giới vào sâu trong lãnh thổ Việt Nam để lấn đất. Hiệp ước Biên Giới 1999 và Nghị Định Thụ 2010 đưa ra những vùng đất bị lấn chiếm này như những “sự kiện đã rồi” để nhượng cho Trung Hoa.

Về biển đảo Việt Nam đã bị xâm chiếm bằng vũ lực như toàn bộ quần đảo Hoàng Sa, 7 “đảo” trong quần đảo Trường Sa. Tại vịnh Bắc Bộ, Trung Hoa đã lấn thêm 11,000 km² với sự toa rập của Nhà nước CS Việt Nam. Hiện tại Trung Hoa muốn chiếm hầu như toàn bộ biển Đông với đường chín đoạn bằng cách **ngụy tạo sử liệu và họ có thể sẽ dùng vũ lực để xâm chiếm.**

Đảng và nhà nước **Cộng Sản Việt Nam phải chịu trách nhiệm với dân tộc Việt Nam về việc cấu kết, toa rập với ngoại bang xâm phạm chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.** Quốc dân Việt Nam cực lực lên án các cuộc xâm lăng của Trung Hoa và dành quyền tối hậu trong việc bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam.
